

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ  
CÔNG TY TNHH NN MỘT THÀNH VIÊN  
KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**



**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA  
CÔNG TY TNHH NN MỘT THÀNH VIÊN  
KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

*Thừa Thiên Huế, tháng 03 năm 2019*

## MỤC LỤC

|                                                                                                                               |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>CÁC TỪ VIẾT TẮT.....</b>                                                                                                   | <b>4</b>  |
| <b>PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP .....</b>                                                                        | <b>5</b>  |
| <b>I. TỔNG QUAN .....</b>                                                                                                     | <b>5</b>  |
| 1. Giới thiệu về Công ty .....                                                                                                | 5         |
| 2. Ngành nghề kinh doanh.....                                                                                                 | 5         |
| 3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu.....                                                                                           | 6         |
| 4. Quá trình hình thành và phát triển.....                                                                                    | 7         |
| 5. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý .....                                                                                     | 11        |
| 6. Danh sách những công ty mẹ, công ty con và công ty liên doanh, liên kết .....                                              | 15        |
| 7. Tình hình hoạt động và kết quả HĐKD 03 năm trước cổ phần hóa (Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 31/12/2017) ..... | 15        |
| 8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành .....                                                     | 27        |
| <b>II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP .....</b>                                          | <b>31</b> |
| 1. Thực trạng về tài sản cố định .....                                                                                        | 31        |
| 2. Thực trạng về tài chính, công nợ.....                                                                                      | 31        |
| 3. Thực trạng về lao động.....                                                                                                | 32        |
| 4. Thực trạng quản lý sử dụng đất và giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp.....                             | 33        |
| 5. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp..                                              | 36        |
| <b>PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA .....</b>                                                                                   | <b>38</b> |
| <b>I. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỀ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN .....</b>                                                                           | <b>38</b> |
| 1. Cơ sở pháp lý.....                                                                                                         | 38        |
| 2. Mục tiêu cổ phần hóa .....                                                                                                 | 39        |
| 3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa .....                                                                                   | 39        |
| 4. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa.....                                                                           | 40        |
| 4.1. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp .....                                                                            | 40        |
| 4.2. Phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp.....                                                                           | 40        |
| 4.3. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp.....                                                                               | 40        |
| <b>II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA .....</b>                                                                               | <b>43</b> |
| 1. Hình thức cổ phần hóa.....                                                                                                 | 43        |
| 2. Thông tin về Công ty cổ phần .....                                                                                         | 44        |
| 3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ .....                                                                                    | 44        |
| 3.1. Quy mô Vốn điều lệ .....                                                                                                 | 44        |
| 3.2. Cơ cấu vốn Điều lệ.....                                                                                                  | 45        |
| 4. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc phát hành cổ phần qua đấu giá .....                       | 46        |
| 4.1. Đối tượng mua cổ phần .....                                                                                              | 46        |
| 4.2. Cổ phần bán cho CBCNV.....                                                                                               | 46        |
| 4.3. Cổ phần bán ưu đãi cho Tổ chức Công đoàn .....                                                                           | 48        |
| 4.4. Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược .....                                                                              | 48        |

|                                                                               |                                                                                                    |           |
|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 4.5.                                                                          | <i>Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài</i> .....                                                      | 49        |
| 5.                                                                            | Loại cổ phần và phương thức chào bán.....                                                          | 50        |
| 5.1                                                                           | <i>Loại cổ phần</i> .....                                                                          | 50        |
| 5.2                                                                           | <i>Phương thức chào bán</i> .....                                                                  | 50        |
| 6.                                                                            | Chi phí cổ phần hóa.....                                                                           | 51        |
| 7.                                                                            | Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa .....                                                | 53        |
| 8.                                                                            | Kế hoạch đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch/ niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán ..... | 54        |
| <b>PHẦN III: PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LAO ĐỘNG</b> .....                             |                                                                                                    | <b>56</b> |
| I.                                                                            | PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG .....                                                                   | 56        |
| II.                                                                           | KẾ HOẠCH XỬ LÝ LAO ĐỘNG DÔI DƯ .....                                                               | 57        |
| III.                                                                          | CHÍNH SÁCH TRỢ CẤP, HỖ TRỢ ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG DÔI DƯ .....                                           | 58        |
| <b>PHẦN IV: PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA</b> ..... |                                                                                                    | <b>60</b> |
| I.                                                                            | PHƯƠNG ÁN VỀ TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY .....                                            | 60        |
| II.                                                                           | NGÀNH NGHỀ KINH DOANH DỰ KIẾN SAU CỔ PHẦN HÓA .....                                                | 63        |
| III.                                                                          | PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA .....                         | 64        |
| 1.                                                                            | <i>Cơ hội và thách thức</i> .....                                                                  | 64        |
| 2.                                                                            | <i>Định hướng phát triển của Công ty</i> .....                                                     | 65        |
| IV.                                                                           | KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 3 NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA ....                                            | 67        |
| V.                                                                            | BIỆN PHÁP THỰC HIỆN.....                                                                           | 68        |
| 1.                                                                            | <i>Về hoạt động sản xuất và kinh doanh</i> .....                                                   | 68        |
| 2.                                                                            | <i>Về phát triển nguồn nhân lực</i> .....                                                          | 69        |
| 3.                                                                            | <i>Về quản lý tài chính</i> .....                                                                  | 69        |
| VI.                                                                           | PHÂN TÍCH CÁC RỦI RO DỰ KIẾN .....                                                                 | 69        |
| 1.                                                                            | <i>Rủi ro về kinh tế</i> .....                                                                     | 69        |
| 2.                                                                            | <i>Rủi ro về luật pháp</i> .....                                                                   | 70        |
| 3.                                                                            | <i>Rủi ro đặc thù</i> .....                                                                        | 71        |
| 4.                                                                            | <i>Rủi ro của đợt chào bán</i> .....                                                               | 72        |
| 5.                                                                            | <i>Rủi ro khác</i> .....                                                                           | 72        |
| VII.                                                                          | KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....                                                                         | 72        |
| <b>PHẦN V: TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT</b> .....                   |                                                                                                    | <b>73</b> |

## CÁC TỪ VIẾT TẮT

| TỪ/ CỤM TỪ VIẾT TẮT | GIẢI THÍCH/ KHÁI NIỆM                                                                                 |
|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| BCTC                | Báo cáo tài chính                                                                                     |
| BHXH                | Bảo hiểm xã hội                                                                                       |
| CBCNV               | Cán bộ Công nhân viên                                                                                 |
| Công ty, HUMEXCO    | Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhà nước Một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế                         |
| ĐVT                 | Đơn vị tính                                                                                           |
| DT                  | Doanh thu                                                                                             |
| GCNĐKKD             | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh                                                                    |
| HĐLĐ                | Hợp đồng lao động                                                                                     |
| HĐKD                | Hoạt động kinh doanh                                                                                  |
| HĐQT                | Hội đồng quản trị                                                                                     |
| HĐTV                | Hội đồng thành viên                                                                                   |
| LN                  | Lợi nhuận                                                                                             |
| LNTT                | Lợi nhuận trước thuế                                                                                  |
| LNST                | Lợi nhuận sau thuế                                                                                    |
| SXKD                | Sản xuất kinh doanh                                                                                   |
| TSCĐ                | Tài sản cố định                                                                                       |
| BĐS                 | Bất động sản                                                                                          |
| UBND tỉnh TT. Huế   | Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế                                                                   |
| KT-XH               | Kinh tế xã hội                                                                                        |
| KCN                 | Khu công nghiệp                                                                                       |
| Tiêu chuẩn VILAS    | Tiêu chuẩn của Hệ thống công nhận phòng thí nghiệm Việt nam (Vietnam Laboratory Accreditation Scheme) |
| XDCB                | Xây dựng cơ bản                                                                                       |

## PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP

### I. TỔNG QUAN

#### 1. Giới thiệu về Công ty

- Tên công ty : **CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**
- Tên tiếng Anh : **THUA THIEN HUE MINERALS PRODUCTS SINGLE – OWNER LIMITED LIABILITY**
- Tên viết tắt : **HUMEXCO**
- Trụ sở chính : 53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Điện thoại : 0234 3541044
- Fax : 0234 3523965
- Mã số thuế : 3300100963
- Website : <http://humexco.com.vn/>
- Email : [kshue@humexco.com.vn](mailto:kshue@humexco.com.vn)
- Logo : 
- Vốn điều lệ đăng ký: 40.000.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300100963 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 28/11/2005 và đăng ký thay đổi lần 02 vào ngày 21/06/2018.

#### 2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300100963 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 28/11/2005 và đăng ký thay đổi lần 02 vào ngày 21/06/2018, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                            | Mã ngành        |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1   | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu<br><i>Chi tiết:</i><br>- Khai thác quặng Titan (Ilmenite, Zircon, Monazite, Rutile)<br>- Khai thác các chất phụ gia cho vật liệu công nghiệp | 0899<br>(chính) |
| 2   | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br><i>Chi tiết:</i><br>- Chế biến quặng Titan (Ilmenite, Zircon, Monazite, Rutile)<br>- Chế biến phụ gia cho vật liệu công nghiệp               | 3290            |

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 3   | Khai thác quặng sắt                                                                                                                                                                                                       | 0710     |
| 4   | Sản xuất sắt, thép, gang<br><i>Chi tiết: Chế biến sắt, sắt hợp kim</i>                                                                                                                                                    | 2410     |
| 5   | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br><i>Chi tiết:</i><br>- Bán buôn quặng Titan (Ilmenite, Zircon, Monazite, Rutile)<br>- Bán buôn sắt thép, sắt hợp kim                                                                | 4662     |
| 6   | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                           | 0810     |
| 7   | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                     | 2392     |
| 8   | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                                                                                                                             | 2396     |
| 9   | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br><i>Chi tiết: Bán buôn các loại đá, cát, sỏi, đất sét</i>                                                                                                       | 4663     |
| 10  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br><i>Chi tiết: Bán buôn thiết bị vật tư sản xuất công nghiệp</i>                                                                                                         | 4659     |
| 11  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br><i>Chi tiết: Bán buôn hàng tiêu dùng cho gia đình</i>                                                                                                                               | 4649     |
| 12  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác<br><i>Chi tiết:</i><br>- Thăm dò quặng theo phương pháp thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất tại nơi thăm dò<br>- Dịch vụ phân tích và thử nghiệm (VILAS 286) | 0990     |
| 13  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br><i>Chi tiết: Bán buôn các chất phụ gia cho vật liệu công nghiệp</i>                                                                                                  | 4669     |

### 3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Trên cơ sở các ngành nghề kinh doanh đã đăng ký theo Giấy nhận đăng ký kinh doanh số 3300100963 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 28/11/2005 và đăng ký thay đổi lần 02 vào ngày 21/06/2018, hiện tại các hoạt động chính của Công ty tập trung vào sản xuất hai dòng sản phẩm chính, bao gồm:

- Các sản phẩm chế biến từ quặng mỏ Titan gồm có: Ilmenite, Rutile, Monazite, Bột Zircon siêu mịn 65%, Zircon 60%, Xi Titan  $\geq 90\%$   $\text{TiO}_2$ , gang hợp kim. Đây là những sản phẩm chủ lực của công ty, chiếm đến hơn 90% về doanh thu của toàn công ty. Các sản phẩm này được dùng làm nguyên liệu đầu vào cho nhiều ngành công nghiệp và được sử dụng rộng rãi trong lĩnh vực sản xuất gạch, gốm, thủy tinh, sơn, luyện kim và nguyên liệu đa dạng cho nhiều ngành công nghiệp khác.

- Các sản phẩm đá xây dựng: Đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, bột đá, đá hộc. Các sản phẩm này chỉ chiếm dưới 10% doanh thu của Công ty.

## CƠ CẤU SẢN LƯỢNG CÁC SẢN PHẨM CHÍNH CỦA CÔNG TY

| STT | Nhóm sản phẩm                     | Đơn vị tính    | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017                                             |
|-----|-----------------------------------|----------------|----------|----------|----------|------------------------------------------------------|
| 1   | Quặng mỏ titan tổng hợp           | Tấn            | 51.836   | 38.571   | 19.966   | 8.772                                                |
| 2   | Ilmenite                          | Tấn            | -        | -        | 1.880,1  | Tạm ngừng các nhà máy chế biến do không có hiệu quả. |
| 3   | Bột nghiền mịn Zircon 65%         | Tấn            | 6.175    | 2.954    | 220,8    |                                                      |
| 4   | Zircon 60%                        | Tấn            | 4.600    | 3.620    | 601,6    |                                                      |
| 5   | Rutile                            | Tấn            | 6.476    | 3.197    | 264,8    |                                                      |
| 6   | Monazite                          | Tấn            | 295      | 528      | 25       |                                                      |
| 7   | Xi Titan $\geq 90\% \text{TiO}_2$ | Tấn            | 3.690    | 4.306    | 330      |                                                      |
| 8   | Gang hợp kim                      | Tấn            | 1.127,8  | -        | 197,8    |                                                      |
| 9   | Đá xây dựng các loại              | m <sup>3</sup> | 61.863,6 | 58.827   | 22.073,7 | 11.491                                               |

*Nguồn: Công ty TNHH NN MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế*

Trong quá trình hoạt động sản xuất – kinh doanh, Công ty không ngừng nghiên cứu công nghệ khai thác, chế biến, phát triển sản phẩm có giá trị cao và tìm kiếm mở rộng thị trường xuất khẩu. Thành quả của nỗ lực đó đã đưa HUMEXCO trở thành một trong những công ty xuất khẩu khoáng sản Titan hàng đầu của Việt Nam. Sản phẩm của Công ty xuất khẩu vào các thị trường Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc,... Một số khách hàng truyền thống hiện nay của Công ty như: Nippon Steel & Sumikin Bussan Corporation (Nhật), Maoming Maogang Greatwall Mining Co.,LTD (Trung Quốc), Guangxi Bafangjin Trade Co.,LTD (Trung Quốc),...

#### 4. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế tiền thân là Xí nghiệp Titan Bình Trị Thiên thành lập từ ngày 21 tháng 12 năm 1987, sau đó được đổi tên thành Công ty Khoáng sản Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 14 tháng 06 năm 1994 của UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế.

Năm 2005, Công ty Khoáng sản Thừa Thiên Huế tiếp tục được chuyển đổi thành Công ty TNHH Nhà nước Một Thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 3873/QĐ-UBND ngày 11/11/2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Công ty đã trải qua hơn 30 năm hoạt động trong lĩnh vực khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản, chủ yếu là khoáng sản Titan, tuy nhiên trong thời kỳ đầu Công ty đã luôn phải đối mặt với nhiều khó khăn ban đầu ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại của doanh nghiệp như không thể tìm đầu ra cho sản phẩm, bên cạnh đó vốn đầu tư lại thiếu thốn, thiết bị công nghệ lạc hậu chủ yếu sử dụng sức lao động nên dẫn đến năng suất thấp và hiệu quả kinh tế không cao. Tuy vậy bằng quyết tâm và nỗ lực kiên trì của cả tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã không ngừng nghiên cứu cải tiến công nghệ từ sử dụng

sức lao động chuyển sang từng bước áp dụng các thiết bị máy móc vừa tăng năng suất lên nhiều lần trong khi vừa đảm bảo được chất lượng sản phẩm ổn định và đem lại hiệu quả kinh tế. Đồng thời Công ty cũng luôn luôn phải tích cực trong việc tìm kiếm và xây dựng mối quan hệ thương mại với các đối tác trong và ngoài nước nhằm không ngừng mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, trên cơ sở tạo dựng uy tín lâu dài, nhờ đó đến nay Công ty đã có được nhiều bạn hàng truyền thống ở Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc,...

Trong những năm gần đây, Công ty lại đối mặt với một thử thách lớn khác đó là vừa đảm bảo tăng trưởng ổn định vừa phải duy trì sự tồn tại lâu dài của doanh nghiệp. Để giải quyết yêu cầu mới, Công ty đã thống nhất chủ trương chuyển từ phát triển về lượng sang phát triển về chất trên cơ sở đầu tư chế biến sâu để gia tăng giá trị sản phẩm, do đó sẽ đảm bảo được tăng trưởng doanh thu trong khi vẫn giữ ổn định sản lượng khai thác và tăng tuổi thọ của mỏ. Kể từ năm 2002, Công ty đã tiến hành tìm hiểu và nghiên cứu triển khai công nghệ chế biến sâu Zircon của Trung Quốc, đến cuối năm 2003 Công ty đã hoàn thành và đưa vào sản xuất thành công dây chuyền nâng cao chất lượng và nghiền siêu mịn Zircon 65% đầu tiên tại 53 Nguyễn Gia Thiều - Tp. Huế với nguyên liệu là tinh quặng Zircon 57%, làm tăng giá trị sản phẩm lên gần 2 lần, sản xuất đến đâu tiêu thụ hết đến đó. Sau hơn hai năm hoạt động, dây chuyền này đã chứng minh được hiệu quả kinh tế cao, thu hồi vốn nhanh và góp phần tăng doanh thu cho Công ty. Trên cơ sở thành công của dây chuyền đầu tiên và các điều kiện thuận lợi của thị trường cùng với nguồn nguyên liệu Zircon 57% vẫn dồi dào, trong năm 2005 Công ty đã tiếp tục đầu tư mở rộng công suất chế biến sâu Zircon tại KCN Phú Bài và đã đi vào hoạt động sản xuất đầu năm 2006. Như vậy, bước đầu thực hiện chủ trương phát triển về chất Công ty đã đạt được những thành công đáng kể đem lại tăng trưởng không ngừng về doanh thu cũng như kim ngạch xuất khẩu cho tỉnh Thừa Thiên Huế. Bên cạnh đó, vẫn còn một thách thức lớn đó là việc phát triển chế biến sâu tinh quặng Ilmenite, một sản phẩm chỉ mới ở mức độ sơ chế và có sản lượng sản xuất cao nhất là 65.000 tấn/ năm trong các loại sản phẩm của Công ty.

Đứng trước yêu cầu gấp rút của Tỉnh về chủ trương tiếp tục tăng cường chế biến sâu các sản phẩm khoáng sản theo chỉ đạo của Công văn số 12/TB-UB ngày 02 tháng 02 năm 2005 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Bên cạnh đó, theo quy định của Thông tư số 04/2005/TT-BCN ngày 02 tháng 8 năm 2005 của Bộ Công nghiệp về việc hướng dẫn xuất khẩu khoáng sản thì đến cuối năm 2008 sẽ hạn chế xuất thô các sản phẩm Ilmenite và Zircon. Vì vậy, Công ty đã nỗ lực để bước đầu tìm kiếm, phân tích và lựa chọn công nghệ chế biến sâu Ilmenite thích hợp, đồng thời đã tìm hiểu công nghệ của một số đối tác nước ngoài.

Qua đánh giá thực lực tài chính, kỹ thuật và tính chất phức tạp của công nghệ chế biến sâu Titan, Công ty đã xây dựng định hướng đầu tư chế biến sâu tinh quặng Ilmenite theo hai giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 1: Đầu tư xây dựng Nhà máy xỉ Titan nâng cao  $\geq 90\%$   $\text{TiO}_2$  công suất 10.000 Tấn/năm (2007 - 2008) và mở rộng công suất lên 20.000 Tấn/năm (2010 - 2011).
- Giai đoạn 2: Đầu tư xây dựng Nhà máy bột Titan công nghệ Clo công suất 10.000 Tấn/năm với nguyên liệu đầu vào là xỉ Titan nâng cao (2014 - 2016).

Bước đầu Công ty đã hoàn thành công tác xây dựng Nhà máy xi Titan công suất 10.000 Tấn/năm đã đưa vào vận hành sản xuất trong năm 2011. Ngoài ra Công ty cũng tham gia khai thác và chế biến đá xây dựng với quy mô 01 mỏ đá và trạm nghiền tại xã Hương Thọ công suất 6.000 m<sup>3</sup>/tháng, 01 trạm xay nghiền đá tại Dạ Lê, xã Thủy Phương, Hương Thủy.

Như vậy qua một quá trình đầu tư phát triển lâu dài có định hướng đúng đắn, đến nay Công ty đã xây dựng được các nhà máy chế biến khoáng sản như sau:

- Nhà máy chế biến tinh quặng Titan Huế, tại 53 Nguyễn Gia Thiều, Tp. Huế, công suất thiết kế 25.000 - 30.000 Tấn/năm.
- Nhà máy chế biến tinh Quặng Titan Phú Lộc, tại khu vực đèo Mũi Né, công suất thiết kế 25.000 - 30.000 Tấn/năm.
- Nhà máy chế biến sâu và nghiền siêu mịn Zircon 65% tại 53 Nguyễn Gia Thiều, Tp. Huế, công suất thiết kế 4.000 Tấn/năm.
- Nhà máy chế biến sâu và nghiền siêu mịn Zircon 65% tại KCN Phú Bài, công suất thiết kế 5.000 Tấn/năm.
- Nhà máy xi Titan tỉnh Thừa Thiên Huế công suất thiết kế 10.000 Tấn/năm, tại cụm CN La Sơn, xã Lộc Sơn, Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Xưởng khai thác và chế biến đá xây dựng Hương Thọ, công suất đá xay 30.000m<sup>3</sup>/năm, công suất khai thác 60.000 - 65.000 m<sup>3</sup>/năm.
- Xưởng đá xay Dạ Lê - TX. Hương Thủy, công suất thiết kế 30.000m<sup>3</sup>/năm.

Là một đơn vị đầu ngành trong khai thác và chế biến khoáng sản Titan tại Việt Nam, trong quá trình hình thành và phát triển, HUMEXCO đã nhận được nhiều bằng khen và danh hiệu khác nhau, cụ thể:

| <b>Năm</b>  | <b>STT</b> | <b>Danh hiệu khen thưởng</b>                                                                                                | <b>Tổ chức cấp</b>   |
|-------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>2007</b> | 1          | Bằng khen có nhiều thành tích trong SXKD góp phần phát triển KT-XH trên địa bàn 2006                                        | UBND tỉnh TT Huế     |
|             | 2          | Bằng khen có thành tích xuất sắc trong SXKD và đóng góp tích cực vào sự phát triển cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam năm 2006 | Phòng TM&CN Việt Nam |
|             | 3          | Bằng khen có nhiều thành tích xuất sắc trong việc thực hiện công tác giảm nghèo và xóa nhà tạm năm 2006                     | UBND Tỉnh TT Huế     |
|             | 4          | Giấy khen chấp hành tốt chính sách thuế năm 2007                                                                            | Tổng cục thuế        |
|             | 5          | Giấy khen công tác khắc phục hậu quả bão lụt năm 2007                                                                       | UBND TP Huế          |
| <b>2008</b> | 1          | Bằng khen có nhiều thành tích trong SXKD góp phần phát triển KT-XH trên địa bàn 2007                                        | UBND Tỉnh TT Huế     |

| Năm  | STT | Danh hiệu khen thưởng                                                                                                       | Tổ chức cấp                           |
|------|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
|      | 2   | Bằng khen thực hiện tốt chính sách Bảo hiểm xã hội năm 2007                                                                 | BHXXH Việt Nam                        |
|      | 3   | Giấy khen có thành tích nộp thuế hàng hoá Xuất nhập khẩu 2007                                                               | Tổng cục Hải quan                     |
|      | 4   | Cúp “Doanh nghiệp xuất sắc” năm 2008                                                                                        | UBND tỉnh TT Huế                      |
| 2009 | 1   | Bằng khen thực hiện tốt chính sách BHXH năm 2008                                                                            | BHXXH Việt nam                        |
|      | 2   | Bằng khen có nhiều thành tích trong SXKD góp phần phát triển KT-XH trên địa bàn 2008                                        | UBND tỉnh TT Huế                      |
|      | 3   | Bằng khen có thành tích xuất sắc trong SXKD và đóng góp tích cực vào sự phát triển cộng đồng doanh nghiệp Việt nam năm 2009 | Phòng TM&CN Việt nam                  |
|      | 4   | Giấy khen đã có thành tích chấp hành tốt các chính sách thuế 2008                                                           | Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế         |
|      | 5   | Cúp Doanh nghiệp xuất sắc năm 2009                                                                                          | UBND Tỉnh TT Huế                      |
|      | 6   | Bằng khen có nhiều thành tích trong SXKD góp phần phát triển KT-XH trên địa bàn 2009                                        | UBND Tỉnh TT Huế                      |
| 2010 | 1   | Bằng khen đơn vị có thành tích xuất sắc trong hoạt động xuất khẩu năm 2010                                                  | UBND tỉnh TT Huế                      |
|      | 2   | Top 1000 Doanh nghiệp đóng thuế thu nhập lớn nhất năm 2010                                                                  | Báo Vietnamnet và Bộ Tài chính        |
| 2011 | 1   | Bằng khen có nhiều thành tích trong SXKD góp phần phát triển KT-XH trên địa bàn 2011                                        | UBND tỉnh TT Huế                      |
|      | 2   | Bằng khen có thành tích xuất sắc trong SXKD và đóng góp tích cực vào sự phát triển cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam năm 2011 | Phòng TM&CN Việt nam                  |
|      | 3   | Chứng nhận đạt danh hiệu “Doanh nghiệp xuất sắc toàn diện” năm 2011                                                         | UBND Tỉnh TT Huế                      |
| 2012 | 1   | Giấy khen xuất sắc trong hoạt động của ngành Công thương năm 2012                                                           | Sở Công thương tỉnh TT Huế            |
|      | 2   | Top 1000 Doanh nghiệp đóng thuế thu nhập lớn nhất năm 2012 (Hạng 947/V1000)                                                 | Báo Vietnamnet và Bộ Tài chính        |
|      | 3   | Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong cuộc vận động ngày vì người nghèo và công tác an sinh xã hội giai đoạn 2010-2012  | Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh TT Huế |
|      | 4   | Chứng nhận đạt danh hiệu “Doanh nghiệp xuất sắc” năm 2012                                                                   | UBND Tỉnh TT Huế                      |

| Năm  | STT | Danh hiệu khen thưởng                                                                                                    | Tổ chức cấp                                                          |
|------|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
|      | 5   | Giấy chứng nhận 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Hạng 203/ V1000)                     | Tạp chí Thuế, Báo Vietnamnet và Công ty CP báo cáo đánh giá Việt nam |
| 2013 | 1   | Cờ thi đua Công Đoàn cơ sở vững mạnh – có PT Thi đua xuất sắc năm 2013                                                   | Tổng liên đoàn lao động Việt Nam                                     |
|      | 2   | Bằng khen Tập thể lao động xuất sắc năm 2013 – công ty                                                                   | UBND Tỉnh TT Huế                                                     |
| 2014 | 1   | Bằng khen Công Đoàn cơ sở đạt danh hiệu "Điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2010-2015"      | Liên đoàn lao động tỉnh TT Huế                                       |
| 2015 | 1   | Bằng khen đã có thành tích xuất sắc, đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam năm 2015 | Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam                             |
|      | 2   | Giấy khen đơn vị có thành tích chấp hành tốt pháp luật về Hải Quan năm 2015                                              | Cục Hải quan tỉnh Thừa Thiên Huế                                     |
|      | 3   | Bằng khen đơn vị có thành tích xuất sắc thực hiện cuộc vận động "Ngày vì người nghèo" giai đoạn 2000-2015.               | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh TT HUẾ                         |
|      | 4   | Đơn vị đạt danh hiệu "Điển hình tiên tiến trong PT thi đua yêu nước của CNVC - LĐ tỉnh TT Huế giai đoạn 2010 – 2015"     | Liên đoàn lao động tỉnh TT Huế                                       |

## 5. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý

### ❖ Cơ cấu tổ chức Công ty

Bộ máy tổ chức quản lý điều hành Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế bao gồm:

- Chủ tịch Công ty;
- Giám đốc;
- Kiểm soát viên Công ty;
- Bộ máy giúp việc cho Giám đốc: Các Phó Giám đốc, các Trưởng phòng chuyên môn nghiệp vụ;

- Các phòng ban nghiệp vụ: Thực hiện nhiệm vụ quản lý theo chức năng chuyên môn, cùng phối hợp triển khai thực hiện các chính sách chiến lược của Giám đốc đề ra, tham mưu đề xuất cho Giám đốc về hoạt động SXKD, đầu tư phát triển, công tác tổ chức để đảm bảo hiệu quả lợi nhuận của Công ty được hài hoà và cao nhất. Các phòng ban trong nghiệp vụ trong Công ty bao gồm:
  - Phòng Tài vụ;
  - Phòng Tổ chức hành chính;
  - Phòng Điều hành sản xuất;
  - Phòng Kinh doanh.
  - Phòng Kỹ thuật;
- Các nhà máy, xưởng mỏ, các bộ phận phục vụ sản xuất: Trực tiếp thực hiện công tác khai thác, chế biến; Thực hiện công tác quản lý sản xuất hiệu quả theo các quy định của Công ty và các Phòng ban; Đề xuất tham mưu cho Công ty về công tác quản lý sản xuất: lao động, sửa chữa bảo trì máy móc thiết bị, cải tiến cải tạo,..

❖ ***Các tổ chức Đoàn thể của Công ty:***

Các tổ chức đoàn thể của Công ty bao gồm Đảng bộ Công ty và Công đoàn:

- **Đảng Bộ Công ty:** gồm có Ban chấp hành đảng bộ (7 người), 4 chi bộ với 32 Đảng viên (trong đó có 6 Đảng viên nữ). Đảng bộ Công ty được thành lập cùng ngày thành lập Công ty.

Các chi bộ Công ty gồm có:

- Chi bộ Văn phòng;
  - Chi bộ xưởng Huế;
  - Chi bộ Bộ phận đá;
  - Chi bộ mỏ khai thác Titan.
- **Công Đoàn:** Được thành lập từ ngày thành lập Công ty, đến nay số lượng Đoàn viên Công đoàn cơ sở Công ty có gần 180 người. Đây thực sự là một tổ chức hoạt động rất hiệu quả, luôn quan tâm chăm lo đến cuộc sống của cán bộ, nhân viên trong toàn công ty, đề xuất và tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong việc thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động, tuyên truyền và phổ biến giáo dục pháp luật đến từng người lao động để người lao động yên tâm gắn bó với Công ty.

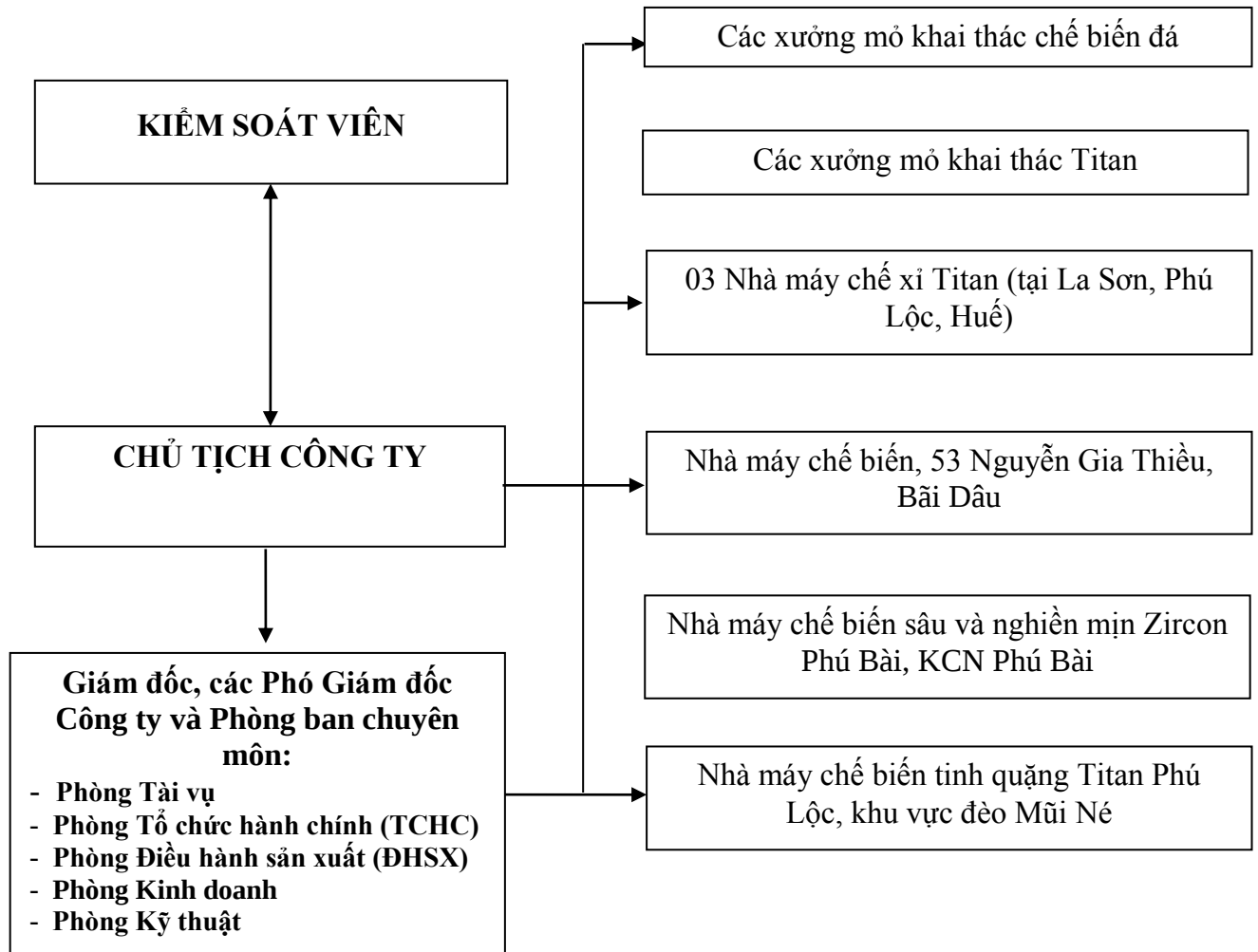
Chức năng và nhiệm vụ cụ thể của Công Đoàn:

- Tham mưu cho Ban chấp hành công đoàn cơ sở trong mọi hoạt động của Công đoàn theo Luật công đoàn và Điều lệ công đoàn Việt Nam. Bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp chính đáng cho người lao động.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng của Công ty trong việc tổ chức Hội nghị người lao động hàng năm.
- Tham gia với các cơ quan chức năng trong công tác sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các nội dung văn bản, các nội quy, quy chế có liên quan đến người lao động.
- Xây dựng và triển khai tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao cho người lao động theo nghị quyết của Ban chấp hành công đoàn cơ sở.

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

## CÔNG TY TNHH NN MTV KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ



**6. Danh sách những công ty mẹ, công ty con và công ty liên doanh, liên kết****6.1. Công ty mẹ**

Không có.

**6.2. Công ty con**

Không có.

**6.3. Công ty liên kết, liên doanh**

Không có.

**7. Tình hình hoạt động và kết quả HĐKD 03 năm trước cổ phần hóa (Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 31/12/2017)****7.1 Tình hình hoạt động kinh doanh****7.1.1. Sản lượng sản phẩm qua các năm****Cơ cấu doanh thu thuần 03 năm trước cổ phần hóa**

Đơn vị tính: đồng

| TT               | Nhóm sản phẩm    | Năm 2015               | Năm 2016              | Năm 2017               |
|------------------|------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| 1                | Thành phẩm Titan | 178.745.770.426        | 64.903.680.586        | 98.872.207.935         |
| 2                | Thành phẩm đá    | 10.462.162.411         | 3.587.944.425         | 1.903.045.066          |
| 3                | Quặng đuôi       | 10.358.242.080         | 6.678.433.530         | 1.044.896.979          |
| <b>Tổng cộng</b> |                  | <b>199.566.174.917</b> | <b>75.170.058.541</b> | <b>101.820.149.980</b> |

Nguồn: HUMEXCO

**Cơ cấu lợi nhuận gộp 03 năm trước cổ phần hóa**

Đơn vị tính: đồng

| TT               | Nhóm sản phẩm    | Năm 2015              | Năm 2016             | Năm 2017             |
|------------------|------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|
| 1                | Thành phẩm Titan | 6.880.127.988         | (576.680.843)        | 8.765.292.836        |
| 2                | Thành phẩm đá    | 746.782.161           | (44.024.451)         | (1.390.289.769)      |
| 3                | Quặng đuôi       | 10.358.242.080        | 6.678.433.530        | 1.044.896.979        |
| <b>Tổng cộng</b> |                  | <b>17.985.152.229</b> | <b>6.057.728.236</b> | <b>8.419.900.046</b> |

Nguồn: HUMEXCO

Thị trường Titan trên thế giới và trong cả nước liên tục suy giảm từ cuối năm 2012 đến nay mà chưa có dấu hiệu phục hồi. Giá bán các sản phẩm titan giảm đến 50% - 60%

so với trước, một số sản phẩm có giá bán cao hơn cả giá thành và cả nhu cầu tiêu thụ cũng giảm đi rất nhiều. Do đó, doanh thu hoạt động của Công ty cũng giảm sút đáng kể.

Trong giai đoạn 2015-2017, mảng thành phẩm Quặng Titan chiếm phần lớn giá trị trong cơ cấu doanh thu thuần của HUMEXCO, luôn ở mức trên 90% doanh thu thuần. Qua quá trình hoạt động, Công ty đã xây dựng được vị thế vững chắc trong ngành và một lượng khách hàng truyền thống trong và ngoài nước. Vì vậy, việc phần lớn doanh thu đến từ Thành phẩm Titan cũng thể hiện được tính tập trung trong hoạt động sản xuất của Công ty. Ngoài Titan, Công ty cũng có những hoạt động khai thác khác, cụ thể: Khai thác và chế biến đá xây dựng. Tuy nhiên đây là hoạt động phụ trợ, chiếm tỷ trọng không cao trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận.

#### *7.1.2. Nguyên vật liệu*

Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế là Doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản, chủ yếu là khoáng sản Titan. Do đó, nguyên vật liệu chính trong quá trình hoạt động là Quặng mỏ Titan khai thác từ các mỏ Titan của Công ty. Để phục vụ cho quá trình khai thác và chế biến quặng mỏ Titan, một số nguyên - nhiên liệu được sử dụng làm yếu tố đầu vào như: Hồ điện cực; Rỉ mật đường; Ống thép dẫn oxy (phục vụ cho nhà máy xỉ Titan La Sơn); Bao bì (đóng gói sản phẩm, bán thành phẩm); Vật tư điện nước, dầu nhờn,...

##### **➤ Sự ổn định của Nguồn nguyên vật liệu đầu vào:**

– *Nguồn quặng mỏ Titan:* Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản Titan, nên có thể nói sự tồn tại của Công ty phụ thuộc rất lớn vào đất mỏ khai thác, tuy nhiên hiện nay diện tích khai thác của Công ty chỉ là những mỏ tận thu manh mún nhỏ lẻ, hàm lượng nghèo và phải khai thác lại lần hai hoặc lần ba những mỏ cũ. Hiện nay, Công ty đã được cấp phép khai thác mỏ Quảng Công – Quảng Ngạn, có diện tích theo Giấy phép số 2975 ngày 23/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường là 288,2 ha và thực tế đo đạc kiểm kê chỉ còn lại khoảng 150ha, do quá trình xin cấp quyền khai thác mỏ kéo dài gần 6 năm nên đã bị chồng lấn nhiều với các công trình mỏ mả, nhà dân, khu quy hoạch dân cư – giao thông,... Vì vậy, dự kiến tuổi thọ mỏ theo tính toán trên cơ sở quy mô công suất hoạt động bình thường của Công ty và theo giấy phép thì chỉ khai thác dự kiến trong vòng 5 -7 năm là kết thúc, thêm vào đó nhiều diện tích với hàm lượng khá của mỏ này đã bị chồng lấn bởi các đường bê tông liên thôn, khu dân cư, khu mỏ mả địa phương... nên hiệu quả khai thác tổng thể dự kiến sẽ giảm đi. Vì vậy, hiện tại trên cơ sở mảng kinh doanh titan thì Công ty chỉ có thể xây dựng kế hoạch SXKD cho giai đoạn ngắn và trung hạn, rất khó để xây dựng được một chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh dài hạn ổn định lâu dài.

– *Các vật tư, nguyên - nhiên vật liệu phụ khác:* Một số vật tư, nguyên - nhiên vật liệu phụ đầu vào khác được HUMEXCO tiến hành chọn nhà cung cấp nhỏ theo quy trình

quản lý ISO của Công ty như Phụ tùng và Vật tư sửa chữa xe xúc lật, xe múc, xe đào; Vật tư nước (ống nước), điện; Vận tải;...

➤ **Ảnh hưởng của giá cả Nguyên vật liệu tới doanh thu – lợi nhuận:**

Giá cả nguồn nguyên vật liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh luôn biến động không ngừng do chịu tác động trực tiếp từ cung – cầu của thị trường và các chính sách quản lý tài nguyên của Nhà nước. Trong khi chi phí Giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao trong doanh thu thuần và tăng dần qua các năm, do đó các biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào sẽ có tác động rất lớn đến biên lợi nhuận của Công ty.

Một trong những nhân tố chiếm tỷ trọng lớn nhất trong Giá vốn hàng bán là chi phí năng lượng (bao gồm: Điện (chiếm tỷ trọng khá lớn trong giá thành sản xuất), Than đá (lò sấy than), Diesel (lò sấy dầu, sửa máy) và Dầu nhờn), chiếm khoảng 35-40% trong cơ cấu giá vốn hàng bán. Tình hình giá năng lượng biến động bất thường thời gian gần đây cũng ảnh hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất của Công ty.

### 7.1.3. Chi phí sản xuất

Tỷ trọng các loại chi phí của Công ty so với tổng doanh thu qua các năm 2015 đến 2017:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| Yếu tố chi phí               | 2015           |                   | 2016          |                   | 2017           |                   |
|------------------------------|----------------|-------------------|---------------|-------------------|----------------|-------------------|
|                              | Giá trị        | %/ Tổng Doanh thu | Giá trị       | %/ Tổng Doanh thu | Giá trị        | %/ Tổng Doanh thu |
| Giá vốn hàng bán             | 246.836        | 79,52%            | 69.112        | 91,69%            | 93.400         | 90,42%            |
| Chi phí bán hàng             | 12.729         | 4,10%             | 6.076         | 8,06%             | 8.507          | 8,24%             |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 12.627         | 4,07%             | 4.251         | 5,64%             | 1.833          | 1,77%             |
| Chi phí tài chính            | 963            | 0,31%             | 55            | 0,07%             | 15             | 0,01%             |
| Chi phí khác                 | 363            | 0,12%             | 1.024         | 1,36%             | 16             | 0,02%             |
| <b>Tổng cộng</b>             | <b>273.518</b> | <b>88,12%</b>     | <b>80.518</b> | <b>106,83%</b>    | <b>103.771</b> | <b>100,46%</b>    |

*Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2016, 2017 của HUMEXCO*

Có thể thấy, trong cơ cấu chi phí sản xuất của HUMEXCO, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng doanh thu và tăng dần qua các năm (năm 2017, tỷ trọng Giá vốn hàng bán/Tổng doanh thu chiếm tới 90,42% so với tỷ trọng 79,52% trong năm 2015). Các khoản mục chi phí còn lại chiếm tổng tỷ trọng thấp hơn đáng kể so với giá vốn hàng bán. Nhìn chung, Tổng chi phí sản xuất qua các năm về mặt giá trị tuyệt đối giảm dần, cụ thể năm 2016 và 2017, giá trị Tổng chi phí (Giá vốn hàng bán, Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp, Chi phí tài chính và Chi phí khác) giảm tương ứng so với năm

trước (do doanh thu của Công ty cũng giảm đi tương ứng trong năm 2016 và năm 2017). Tuy nhiên, xét về tỷ trọng chi phí/ doanh thu thì lại tăng lên.

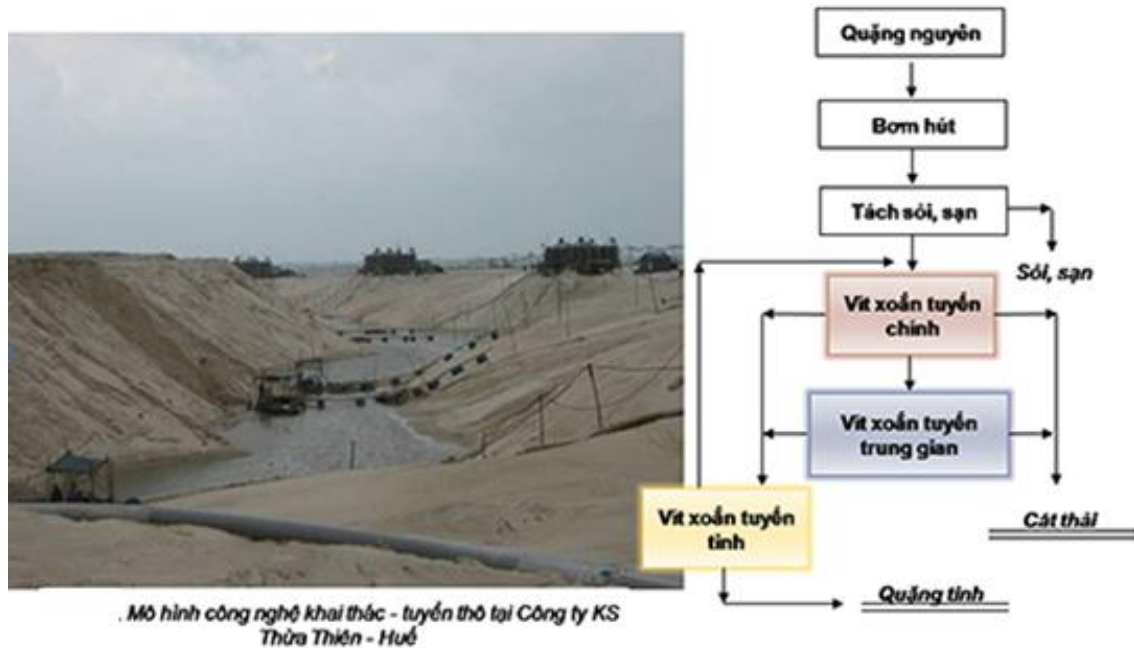
Nhìn chung, trước bối cảnh chưa hồi phục của ngành Titan toàn cầu, HUMEXCO nói riêng và các Công ty trong ngành nói chung phải sống chung với bài toán khó giải về chi phí. Việc cắt giảm chi phí liên tục là điều cần làm để Công ty duy trì được hoạt động trong ngắn hạn, tuy nhiên về dài hạn, Công ty cũng phải có kế hoạch để nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, duy trì tiềm lực và đón đầu được cơ hội khi thị trường có dấu hiệu phục hồi.

#### *7.1.4. Trình độ công nghệ*

Công ty luôn là một trong những đơn vị đi đầu về việc nghiên cứu đầu tư các dây chuyền công nghệ chế biến sâu các sản phẩm titan trên toàn quốc, đáp ứng được yêu cầu tăng cường chế biến sâu của Chính phủ. Các dự án chế biến sâu của Công ty gồm có: Năm 2003, Công ty đã hoàn thành nhà máy chế biến sâu và nghiền siêu mịn Zircon công suất 4.500 Tấn/năm; Năm 2005, Công ty tiếp tục đầu tư nhà máy chế biến sâu và nghiền siêu mịn Zircon thứ 2 tại KCN Phú Bài công suất 5.000 Tấn/năm; Năm 2011, Công ty hoàn thành nhà máy xỉ Titan tại KCN La Sơn với công suất 10.000 Tấn/năm. Như vậy, Công ty đã xây dựng và đầu tư đồng bộ hệ thống dây chuyền công nghệ từ khâu khai thác đến khâu chế biến sâu các sản phẩm Titan.

Hệ thống thiết bị, dây chuyền công nghệ của Công ty chủ yếu được nhập khẩu của Trung Quốc với ưu điểm giá trị đầu tư vừa phải nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu công nghệ và chất lượng sản phẩm và với mức độ hiện đại vừa phải. Hiện tại, Công ty đang tạm ngừng hoạt động một số nhà máy chế biến sâu titan do sự suy giảm sức tiêu thụ của thị trường và không đảm bảo hiệu quả hoạt động khi vận hành nên nhiều máy móc, thiết bị có nguy cơ xuống cấp, lạc hậu.

Mô hình khai thác của Công ty bao gồm Khai thác – tuyển thô và Chế biến sâu các sản phẩm Titan:



#### 7.1.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Từ năm 2013, Công ty đã có hướng chuyển ngành nghề sang lĩnh vực nông nghiệp sạch, tuy nhiên do tình hình suy thoái nặng nề của thị trường Titan thế giới từ cuối 2013 đến nay nên vẫn chưa có điều kiện triển khai chiến lược này.

#### 7.1.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Công ty đã áp dụng liên tục từ năm 2006 đến nay hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008 cho toàn bộ xưởng mỏ từ khai thác đến chế biến.

Công ty đã xây dựng được 01 Phòng thử nghiệm chất lượng Vilas mang số hiệu Vilas 286 kể từ năm 2007.

#### 7.1.7. Quan niệm bảo vệ môi trường

HUMEXCO nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường. Vì vậy, HUMEXCO cam kết rằng: Hoạt động khai thác và chế biến phải quan tâm đến việc bảo vệ môi trường với tinh thần có trách nhiệm, tuân thủ theo luật bảo vệ môi trường và các cam kết với cộng đồng dân cư địa phương. Bảo vệ môi trường như là nhân tố cần thiết giúp Công ty kinh doanh thành công. Để thực hiện Ban lãnh đạo Công ty xây dựng một chính sách về môi trường:

- ❖ Xác định những ảnh hưởng đối với môi trường qua các hoạt động khai thác, chế biến và các sản phẩm của Công ty.
- ❖ Tuân thủ các yêu cầu của pháp luật bảo vệ môi trường các các yêu cầu khác liên quan đến môi trường, đồng thời cố gắng áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến nhằm bảo vệ môi trường trong điều kiện kinh tế kỹ thuật cho phép.

- ❖ Thiết lập một hệ thống quản lý môi trường nhằm duy trì cải tiến liên tục, ngăn ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường sản xuất trong công ty.
- ❖ Xây dựng hệ thống quản lý môi trường nhằm:
  - ✓ Tiết kiệm năng lượng.
  - ✓ Nâng cao hệ số khai thác và chế biến. Tiết kiệm mỏ và tận thu nguồn tài nguyên.
  - ✓ Nâng cao hệ số tái chế, tái sử dụng nguyên vật liệu.
  - ✓ Giảm tối đa lượng chất thải. Xây dựng hệ thống quản lý các chất thải gây ảnh hưởng đến môi trường.
  - ✓ Sử dụng công nghệ khai thác phù hợp. Đảm bảo nguyên tắc hạn chế tối đa hoặc không làm ảnh hưởng đến môi trường nơi khai thác.
  - ✓ Tái tạo lại môi trường nơi tiến hành hoạt động khai thác như ban đầu bằng việc hoàn trả mặt bằng và trồng lại cây xanh.
  - ✓ Thực hiện đánh giá định kỳ về việc bảo vệ môi trường ở mỗi bộ phận khai thác và chế biến trong công ty. Lập kế hoạch phản ứng nhanh để điều chỉnh kịp thời các sai sót nếu xảy ra.
- ❖ Phân công trách nhiệm cho từng bộ phận liên quan trong việc thực hiện chính sách môi trường và đưa việc bảo vệ môi trường thành nhân tố quan trọng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ❖ Cung cấp đầy đủ phương tiện, nhân lực và đào tạo kiến thức và nâng cao nhận thức cho toàn thể nhân viên về công tác bảo vệ môi trường.
- ❖ Tham vấn ý kiến của các ngành liên quan, nhà cung cấp, khách hàng, cộng đồng dân cư và các chuyên gia về môi trường để chia sẻ thông tin và hoàn thiện hơn nữa chính sách về môi trường của Công ty.

## 7.2 Hoạt động Marketing

Bên cạnh việc thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng cả đầu vào và đầu ra của sản phẩm, Công ty còn rất chú trọng đến công tác quảng bá, giới thiệu và phân phối sản phẩm theo cách tốt nhất đến khách hàng. Hiện nay, HUMEXCO đang tiến hành các công đoạn marketing sản phẩm trên trang Web chính thức của Công ty (<http://www.humexco.com.vn/>) và tìm kiếm khách hàng trên các phương tiện tìm kiếm điện tử để chào hàng trực tiếp.

## 7.3 Một số Hợp đồng lớn mà Công ty đã ký kết và đang thực hiện

| STT | Tên Hợp đồng | Tên đối tác | Sản phẩm/<br>Dịch vụ | Giá trị<br>(USD) | Thời gian<br>thực hiện |
|-----|--------------|-------------|----------------------|------------------|------------------------|
|-----|--------------|-------------|----------------------|------------------|------------------------|

| STT | Tên Hợp đồng     | Tên đối tác                                         | Sản phẩm/<br>Dịch vụ            | Giá trị<br>(USD)       | Thời gian<br>thực hiện          |
|-----|------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------------|
| 1   | Hợp đồng mua bán | Nippon Steel & Sumikin Bussan Corporation – Japan.  | Xi Titan                        | 1.650.000              | 22/6/2015 – 28/2/2016           |
| 2   | Hợp đồng mua bán | Maoming Maogang Greatwall Mining Co.,LTD – China    | Zircon 60%                      | 243.000                | Thời gian giao hàng: 4 - 5/2016 |
| 3   | Hợp đồng mua bán | Guangxi Bafangjin Trade Co.,LTD – China             | Monazite                        | 78.000                 | Thời gian giao hàng 3/2016      |
| 4   | Hợp đồng mua bán | Guangxi Qinzhou Coastal Mining Co.,LTD              | Quặng đuôi titan                | 70.200                 | Tháng 2/2017                    |
| 5   | Hợp đồng mua bán | Công ty TNHH Thương mại và VTB Hùng Phát            | Tinh quặng Ilmenite 52-54% TiO2 | 10.450.000.000<br>Đồng | Tháng 8-9/2017                  |
| 6   | Hợp đồng mua bán | Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Trị                | Quặng titan tổng hợp            | 2.970.000.000<br>Đồng  | Tháng 3-4/2018                  |
| 7   | Hợp đồng mua bán | Fangcheng Port city Qihang Minerals Limited Company | Tinh quặng Ilmenite 52-54% TiO2 | 369.000                | Tháng 12/2018                   |

#### 7.4 Tình hình tài chính và kết quả HĐKD trong các năm trước khi cổ phần hóa

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty giai đoạn các năm trước khi cổ phần hóa được tóm tắt ở bảng sau:

Đơn vị tính: Đồng

| TT  | Chỉ tiêu                                                       | Năm 2015        | Năm 2016        | Năm 2017        |
|-----|----------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| 1   | Vốn Chủ sở hữu (không bao gồm số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi) | 260.472.629.577 | 120.291.980.659 | 118.490.926.332 |
| 2   | Nợ phải trả                                                    | 83.218.566.847  | 185.468.934.476 | 138.064.206.861 |
| 2.1 | Nợ ngắn hạn                                                    | 83.218.566.847  | 185.468.934.476 | 138.064.206.861 |

| TT  | Chỉ tiêu                                     | Năm 2015        | Năm 2016        | Năm 2017        |
|-----|----------------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
|     | <i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>                  | -               | -               | -               |
| 2.2 | <i>Nợ dài hạn</i>                            | -               | -               | -               |
|     | <i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>                  | -               | -               | -               |
| 2.3 | <i>Nợ khác</i>                               | -               | -               | -               |
| 3   | Nợ phải thu<br>Trong đó:                     | 11.904.914.010  | 5.852.625.464   | 22.926.523.970  |
| 3.1 | <i>Nợ ngắn hạn</i>                           | 8.385.360.390   | 2.333.072.844   | 19.304.857.010  |
| 3.2 | <i>Nợ dài hạn</i>                            | 3.519.553.620   | 3.519.553.620   | 3.621.666.960   |
| 4   | Tổng số lao động (người)                     | 950             | 600             | 185             |
| 5   | Thu nhập bình quân của người lao động /tháng | 4.000.000       | 2.500.000       | 2.500.000       |
| 6   | Doanh thu thuần                              | 199.566.174.917 | 75.170.058.441  | 101.820.149.980 |
| 7   | Giá vốn hàng bán                             | 181.581.022.688 | 69.112.330.305  | 93.004.249.934  |
| 8   | Tổng tài sản                                 | 343.691.196.424 | 305.760.915.135 | 256.555.133.193 |
| 9   | Lợi nhuận trước thuế                         | 656.983.202     | (5.145.662.772) | (1.472.158.327) |
| 10  | Lợi nhuận sau thuế (LNST)                    | 651.693.955     | (5.145.662.772) | (1.472.158.327) |
| 11  | Tỷ suất LNST/ Vốn Chủ sở hữu                 | 0,25%           | -               | -               |

Nguồn: HUMEXCO

**Một số chỉ số tài chính của Công ty ba năm trước cổ phần hóa:**

| Chỉ tiêu                               | Đơn vị | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 |
|----------------------------------------|--------|----------|----------|----------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b> |        |          |          |          |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn              | Lần    | 3,36     | 1,17     | 1,23     |
| Hệ số thanh toán nhanh                 | Lần    | 0,37     | 0,34     | 0,62     |
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>          |        |          |          |          |
| Hệ số nợ/Tổng nguồn vốn                | Lần    | 0,22     | 0,61     | 0,54     |
| Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu                | Lần    | 0,28     | 1,54     | 1,17     |

| Chỉ tiêu                              | Đơn vị | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 |
|---------------------------------------|--------|----------|----------|----------|
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b> |        |          |          |          |
| Vòng quay hàng tồn kho                | Lần    | 0,97     | 0,40     | 0,79     |
| Vòng quay tổng tài sản                | Lần    | 0,53     | 0,23     | 0,40     |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>  |        |          |          |          |
| Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần    | %      | 0,34     | -0,07    | -0,01    |
| Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu     | %      | 0,23     | -0,03    | -0,01    |
| Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản       | %      | 0,18     | -0,02    | -0,01    |
| Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần     | %      | -5,11    | -0,06    | -0,02    |

*Nguồn: Tổng hợp từ BCTC đã kiểm toán năm 2015, 2016, 2017 của HUMEXCO*

Nhìn chung, trong giai đoạn 2015-2017, HUMEXCO đáp ứng tốt khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Mặc dù hệ số thanh toán nhanh của Công ty thấp do đặc thù của lĩnh vực khai thác khoáng sản có Hàng tồn kho cao, đặc biệt trong giai đoạn ngành công nghiệp này có những biến động theo chiều hướng không khả quan.

Thị trường Titan trên thế giới và trong cả nước liên tục suy giảm từ cuối năm 2012 đến nay mà chưa có dấu hiệu phục hồi. Giá bán các sản phẩm titan giảm đến 50% - 60% so với trước, một số sản phẩm có giá bán cao hơn cả giá thành và cả nhu cầu tiêu thụ cũng giảm đi rất nhiều. Nhiều công ty Titan trong nước đã bắt đầu đóng cửa từ năm 2014 và đối với Công ty cũng đã tạm ngừng một số nhà máy chế biến không hiệu quả từ cuối năm 2014 đến nay. Những nhân tố đó khiến cho tình hình tài chính của Công ty đi xuống, thể hiện ở việc giảm đi trong tỷ suất sinh lời qua các năm. Những năm tới, để vượt qua khủng hoảng giá cả và hướng tới mục tiêu phát triển dài hạn, HUMEXCO sẽ tiếp tục thực hiện những kế hoạch đề ra, tập trung nghiên cứu cải tiến công nghệ tăng giá trị gia tăng cho sản phẩm và thực hiện các kế hoạch cần thiết khác.

## **7.5 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty**

### **❖ Thuận lợi**

- Chính sách của Đảng và nhà nước đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nói chung và Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế nói riêng thông qua việc ban hành các văn bản tạo hành lang pháp lý cho hoạt động khai thác, chế biến quặng Titan và các hoạt động kinh doanh khác của Công ty một cách mạnh mẽ và chủ động.
- Công ty và các nhà máy khai thác, chế biến đều nằm trong quy hoạch của Tỉnh nên việc giao thông đi lại và vận chuyển rất thuận lợi.

- Qua một quá trình dài tồn tại và phát triển Công ty đã đầu tư được cơ sở sản xuất đầy đủ đồng bộ từ khai thác đến chế biến sâu, đồng thời xây dựng được một đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, chuyên nghiệp, ổn định và đủ năng lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả trong nhiều năm liền.
- Ứng dụng kịp thời các tiến bộ khoa học vào trong công tác điều hành và quản lý đem lại hiệu quả cao.
- Được thành lập vào năm 1987, HUMEXCO là một trong những Công ty hàng đầu về khai thác và chế biến khoáng sản Titan của Việt Nam. Với lợi thế phát triển lâu đời, uy tín và bằng những nỗ lực riêng của HUMEXCO, Công ty đã có một mạng lưới bạn hàng truyền thống ở nhiều Quốc gia trên thế giới như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ,...

❖ **Khó khăn**

- Cơ chế chính sách trong hoạt động khai thác, chế biến quặng Titan, tuy đã phát huy được nhiều yếu tố tích cực tạo động lực cho hoạt động khai thác, chế biến nhưng vẫn còn nhiều bất cập dẫn đến tình trạng cung vượt cầu.
- Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là khai thác và chế biến khoáng sản Titan – có ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn tài nguyên của Quốc gia nên chịu sự quản lý chặt chẽ đến từ các cấp, ban ngành và định hướng vĩ mô của Nhà nước. Bất kỳ biến động nào của chính sách cũng ảnh hưởng rất lớn đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giá mặt hàng quặng Titan trên thị trường thời gian gần đây đang diễn biến theo chiều hướng bất lợi cho HUMEXCO. Cụ thể, giá bán Titan năm 2015, 2014 chỉ còn 50% - 60% so với năm 2012 và 2013 (mặc dù bước sang năm 2017 giá quặng Titan có xu hướng tăng nhẹ), trong đó một số sản phẩm như Xi Titan thì hoàn toàn không tiêu thụ được vì giá bán thấp hơn cả giá thành. Với mức giá bán này thì Công ty rất khó để bù đắp chi phí sản xuất cũng như đảm bảo lợi nhuận, chính vì thế lượng tiêu thụ hàng hóa, giá bán hàng của Công ty liên tục sụt giảm, lượng hàng tồn kho liên tục tăng cao qua các năm. Tình hình biến động tiêu cực này làm HUMEXCO đứng trước sức ép phải tái sắp xếp sản xuất và tạm dừng hoạt động của các nhà máy chế biến, đồng thời có phương án bán quặng mỏ để duy trì sự tồn tại trong giai đoạn khó khăn này của Công ty. Nếu như trong những năm tiếp theo tình hình thị trường không thay đổi thì Công ty sẽ có thể phải chịu tình trạng SXKD thua lỗ.

Trong giai đoạn chịu ảnh hưởng suy thoái và khó khăn chung, ngành khai thác sản xuất Titan không còn hiệu quả kinh tế như trước, doanh thu hoạt động không bù đắp được chi phí, vì vậy hầu hết các công ty Titan đã bắt đầu phải ngừng hoạt động hoặc đóng cửa từ năm 2013 ở các tỉnh Bình Định, Bình Thuận, Thái Nguyên, Quảng Trị,...

Đứng trước tình hình trên, Ban lãnh đạo Công ty đã cố gắng duy trì hoạt động kinh doanh nhằm ổn định an sinh xã hội, đùm bọc nhau bằng cách: sắp xếp cắt giảm sản lượng chế biến, tạm ngừng một số nhà máy kém hiệu quả như: nhà máy La Sơn, nhà máy Phú Lộc, nhà máy Phú Bài; phân bổ nhân lực, cân đối công việc, tiền lương nhằm duy trì hoạt động của Công ty trong giai đoạn kinh tế khó khăn trong suốt thời gian vừa qua. Tuy nhiên với dự đoán tình hình suy thoái của ngành Titan trên toàn quốc và thế giới vẫn còn tiếp diễn, trong khi đó thực trạng hoạt động SXKD của Công ty đã đến thời điểm không thể gánh vác được nữa do số lượng hàng hóa tồn kho lớn không bán được, giá bán quá thấp nên nếu càng chế biến sẽ càng lỗ khiến gánh nặng nợ ngân hàng của Công ty ngày càng tăng. Thêm vào đó, sản lượng khai thác quặng mỏ ngày càng sụt giảm do thiếu mỏ nên cũng không thể tiếp tục tiến hành chế biến được nữa. Với tình hình kinh tế khó khăn và thu nhập thấp nên số lượng công nhân xin nghỉ việc ngày càng đông, vì vậy bắt buộc Công ty phải chuyển sang phương án hoạt động cầm chừng trên cơ sở thực hiện việc sắp xếp lại toàn bộ hoạt động SXKD nhằm duy trì sự tồn tại của Công ty và đảm bảo các mục tiêu trước mắt như sau:

- Cố gắng duy trì lực lượng công nhân bằng cách tạo công ăn việc làm tại mỏ khai thác với mức thu nhập tương đối để tạm thời ổn định đời sống, chờ cơ hội thị trường vực dậy để khôi phục sản xuất khi cần;
  - Vẫn phải duy trì cầm chừng sản lượng mỏ cho Công ty bằng cách điều công nhân chế biến về khai thác tại mỏ Điện Hòa – Điện Hải;
  - Giảm tối thiểu hoạt động chế biến tốn nhiều chi phí mà không hiệu quả kinh tế trong giai đoạn này;
  - Đảm bảo khâu chế biến có thể triển khai sản xuất khi cần nếu có cơ hội xuất từng lô hàng phù hợp với giá thành sản xuất.
- Ngoài sự chi phối đến từ giá cả và nhu cầu sử dụng của sản phẩm, HUMEXCO còn chịu những rủi ro đến từ nguồn đất mỏ khai thác. Đối với đặc thù của Công ty thì nguồn mỏ mang tính chất sống còn của toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên hiện nay nguồn mỏ Titan của Công ty đang ngày càng thiếu hụt và bị thu hẹp. Công ty không có nguồn mỏ chủ lực nào để phục vụ cho quá trình phát triển lâu dài trên 3 năm, mà chủ yếu đang khai thác lại trên những diện tích đất mỏ đã khai thác trước đây hoặc tận thu các diện tích đất mỏ nhỏ lẻ, manh mún có hàm lượng nghèo, do đó chỉ xây dựng được kế hoạch SXKD cho từng năm một. Từ năm 2012, Công ty đã bắt đầu triển khai và lập đầy đủ hồ sơ xin cấp mỏ để trình Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép, nhưng kể từ khi có Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 09/01/2012 của Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản đã làm công tác xin cấp mỏ công nghiệp Quảng Công - Quảng Ngạn của Công ty bị tạm ngừng một thời gian dài mặc dù thủ tục

đã hoàn tất, gây rất nhiều khó khăn cho việc xây dựng kế hoạch cân đối nguồn nguyên liệu phục vụ cho các nhà máy chế biến sâu, vì các mỏ hiện tại của Công ty đều là mỏ “tận thu” nên trữ lượng nhỏ, hàm lượng nghèo nên rất khó đảm bảo được sản lượng cho công tác chế biến sâu.

Thực hiện theo chủ trương về việc yêu cầu tiếp tục tháo gỡ khó khăn về nguyên liệu cho các dự án chế biến sâu khoáng sản cho các đơn vị khai thác chế biến khoáng sản đã có nhà máy chế biến sâu tại Công văn số 10369/VPCP-KTN ngày 18/12/2012 của Chính phủ, UBND Tỉnh đã ban hành Công văn số 27/UBND-TN ngày 04/01/2013 kiến nghị Chính phủ về việc cho phép Công ty được lập thủ tục khai thác khoáng sản Titan và Văn phòng Chính phủ có ý kiến tại Văn bản số 40/TC-VPCP ngày 15/01/2013 chuyển Bộ Tài nguyên Môi trường đề nghị giải quyết thủ tục cấp mỏ của Công ty.

Một số thông tin về Mỏ Quảng Công – Quảng Ngạn:

- Quy mô khai thác: Đầu tư khai thác nguồn quặng làm nguyên liệu để cung cấp phục vụ cho các nhà máy chế biến sâu: Zircon nghiên Phú Bài, Huế và Xi Titan La Sơn xã Lộc Sơn. Quy mô: Công suất khai thác 30.000 tấn/năm quặng tổng hợp;
- Địa điểm: Xã Quảng Ngạn và xã Quảng Công, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tổng diện tích đất dự kiến sử dụng khoảng: 288,2ha (nhiều diện tích mỏ bị nằm chồng lấn với các đường bê tông liên thôn, với khu dân cư, với khu mỏ mà địa phương,...nên chỉ còn khoảng 150ha);
- Thời gian khai thác: Dự kiến chỉ phục vụ công suất hoạt động của Công ty trong 6 – 7 năm.

Hiện nay, để duy trì hoạt động sản xuất, Công ty phải khai thác bòn mót lại lần 3 trên các vùng mỏ đã khai thác những năm trước đây hoặc tận thu tại các khu đất nhỏ lẻ manh mún với hàm lượng mỏ rất nghèo nên sản lượng khai thác sụt giảm chỉ còn 40-50% so với những năm trước 2013, do đó không đủ nguồn nguyên liệu cho các nhà máy hoạt động, chi phí giá thành khai thác sản xuất quặng mỏ tăng cao, làm giảm hiệu quả sản xuất của Công ty, thậm chí không còn hiệu quả kinh doanh.

- Khó khăn và vướng mắc về chính sách thuế:
  - Về thuế xuất khẩu: Chính phủ đang quy định thuế xuất khẩu đến 40% đối với các sản phẩm Titan là quá cao so với tình hình tiêu thụ cực kỳ khó khăn của ngành Titan thế giới hiện nay, điều này dẫn đến gánh nặng chi phí giá thành rất lớn cho doanh nghiệp.
  - Về thuế tài nguyên:
    - Biểu thuế suất của Chính phủ: Biểu thuế suất của nhà nước đối với Titan theo Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16/12/2013 là 16% và tăng

lên 18% từ tháng 7 năm 2016 theo Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Giá tính thuế: Được quy định chi tiết tại Phụ lục I đính kèm Quyết định số 71/2018/QĐ-UBND ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đối với khoáng sản kim loại; đối với khoáng sản không kim loại; đối với sản phẩm rừng tự nhiên; đối với hải sản tự nhiên; đối với nước thiên nhiên, cụ thể giá tính thuế tài nguyên liên quan đến tài nguyên Titan như sau:

| Tên nhóm, loại tài nguyên/ Sản phẩm tài nguyên              | ĐVT | Giá tính thuế (đồng) |
|-------------------------------------------------------------|-----|----------------------|
| <b>Khoáng sản kim loại</b>                                  |     |                      |
| <b>Titan</b>                                                |     |                      |
| <b><i>Quặng titan gốc (Ilmenit)</i></b>                     |     |                      |
| Quặng gốc titan có hàm lượng $TiO_2 \leq 10\%$              | tấn | 110.000              |
| Quặng gốc titan có hàm lượng $10\% < TiO_2 \leq 15\%$       | tấn | 150.000              |
| Quặng gốc titan có hàm lượng $15\% < TiO_2 \leq 20\%$       | tấn | 210.000              |
| Quặng gốc titan có hàm lượng $TiO_2 > 20\%$                 | tấn | 385.000              |
| <b><i>Quặng titan sa khoáng</i></b>                         |     |                      |
| Quặng Titan sa khoáng chưa qua tuyển tách                   | tấn | 1.300.000            |
| <b>Titan sa khoáng đã qua tuyển tách (tinh quặng Titan)</b> |     |                      |
| Ilmenit                                                     | tấn | 1.950.000            |
| Quặng Zircon có hàm lượng $ZrO_2 < 65\%$                    | tấn | 6.600.000            |
| Quặng Zircon có hàm lượng $ZrO_2 \geq 65\%$                 | tấn | 15.000.000           |
| Rutil                                                       | tấn | 7.700.000            |
| Monazite                                                    | tấn | 24.500.000           |
| Manhectic                                                   | tấn | 700.000              |
| Xi titan                                                    | tấn | 13.000.000           |
| Các sản phẩm còn lại                                        | tấn | 3.000.000            |

➤ Ngoài hai loại thuế trên Công ty còn phải đóng nhiều loại thuế phí khác ở mức cao như tiền cấp quyền khai thác, phí bảo vệ môi trường, phí thuê đất,..

Theo tính toán của Công ty thì tổng các loại thuế phí hiện chiếm tỷ trọng bình quân trên dưới 50% giá bán các loại sản phẩm Titan mà chưa kể đến các chi phí sản xuất khác.

## 8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

### 8.1 Vị thế của công ty trong ngành

Được thành lập năm 1987 với tiền thân là Xí nghiệp Titan Bình Trị Thiên, sau hàng chục năm hoạt động, Công ty đã đúc kết được nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, qua đó tạo được lợi thế đáng kể cho Công ty so với những doanh nghiệp cùng ngành nghề trên địa bàn tỉnh nói riêng và cả nước nói chung.

- **Về Kinh nghiệm - Uy tín:** Trải qua gần 30 năm hình thành và phát triển Công ty TNHH Nhà Nước Một Thành Viên Khoáng Sản Thừa Thiên Huế là một trong những công ty hàng đầu về khai thác và chế biến khoáng sản Titan của Việt Nam. Công ty còn khai thác và chế biến các sản phẩm là tinh quặng Ilmenite, Rutile, Monazite, Zircon, bột Zircon và xỉ titan, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chất lượng của khách hàng trong nước và ngoài nước. Sản phẩm của Công ty được dùng làm nguyên liệu đầu vào cho nhiều ngành công nghiệp và được sử dụng rộng rãi trong lĩnh vực sản xuất gạch, gốm, thủy tinh, sơn, luyện kim và nguyên liệu đa dạng cho nhiều ngành công nghiệp khác.

- **Về Nguồn nhân lực:** Qua quá trình hình thành và phát triển, Công ty đã đầu tư được cơ sở sản xuất đầy đủ, đồng bộ từ khai thác đến chế biến sâu, đồng thời xây dựng được một đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, chuyên nghiệp, ổn định và đủ năng lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả.

- **Về Công nghệ - Khoa học kỹ thuật:** Công ty luôn là một trong những đơn vị đi đầu về việc nghiên cứu đầu tư các dây chuyền công nghệ chế biến sâu các sản phẩm titan trên toàn quốc, đáp ứng được yêu cầu tăng cường chế biến sâu của Chính phủ. Các dự án chế biến sâu của Công ty gồm có: Năm 2003 Công ty đã hoàn thành nhà máy chế biến sâu và nghiền siêu mịn Zircon công suất 4.500 Tấn/năm; Năm 2005 Công ty tiếp tục đầu tư nhà máy chế biến sâu và nghiền siêu mịn Zircon thứ 2 tại KCN Phú Bài công suất 5.000 Tấn/năm; Năm 2011 Công ty hoàn thành nhà máy xỉ Titan tại KCN La Sơn với công suất 10.000 Tấn/năm. Như vậy, Công ty đã xây dựng và đầu tư đồng bộ hệ thống dây chuyền công nghệ từ khâu khai thác đến khâu chế biến sâu các sản phẩm Titan.

## **8.2 Triển vọng của ngành**

Tại hội thảo quốc tế khoáng sản Titan ASEAN được tổ chức tại Thành phố Vũng Tàu năm 2013, đại diện Bộ Tài nguyên và Môi trường cho biết, tổng trữ lượng và tài nguyên dự báo quặng titan-zircon ở Việt Nam là 664 triệu tấn quặng tinh. Sa khoáng Titan chủ yếu phát hiện dọc ven biển từ Thanh Hóa đến Bắc Bà Rịa - Vũng Tàu, gần bằng 50% trữ lượng toàn thế giới (1.400 triệu tấn). Nhờ nguồn tài nguyên này mà Việt Nam được dự đoán là một trong những quốc gia có ngành Khai khoáng Titan phát triển nhất. Theo phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng Titan giai đoạn 2007 - 2015, định hướng đến năm 2025, các vùng thuộc khu vực hoạt động khoáng sản titan gồm Thái Nguyên, vùng Thanh Hóa - Hà Tĩnh, vùng Quảng Trị - Thừa Thiên Huế, vùng Bình Định - Phú Yên, và vùng Bình Thuận - Bà Rịa - Vũng Tàu. Đặc biệt, trong giai đoạn

2016-2020, sẽ hình thành ngành công nghiệp khai thác, chế biến quặng titan với các sản phẩm chính là xỉ Titan, Gisement, Titan xộp, Titan kim loại.

Hiện nay, có 02 Công ty chuyên khai thác và chế biến Titan niêm yết trên thị trường chứng khoán là Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định (BMC) và Công ty cổ phần khoáng sản Bình Thuận (KSA). Nhìn chung đều bị ảnh hưởng trong giai đoạn thị trường titan khủng hoảng trên toàn cầu, cụ thể tính từ năm 2014 đến khoảng cuối năm 2016, thị trường tiêu thụ Titan rơi vào tình trạng khủng hoảng, nguồn nguyên liệu phục vụ cho ngành công nghiệp chế biến Titan liên tục rớt giá đỉnh điểm vào khoảng tháng 12/2016 giá giảm còn 3.460 USD/tấn so với mức trên 8.000 USD/tấn đầu năm 2012. Nguyên nhân khiến giá sụt giảm mạnh là do kinh tế Châu Âu và Trung Quốc rơi vào suy thoái khiến nhu cầu về Titan sụt giảm mạnh, kéo theo đó là giá quặng Ilmenite giảm từ 185 USD/tấn vào đầu năm 2014 xuống còn 79 USD/tấn vào đầu năm 2016, tương đương mức giảm 57%.

Mặc dù, từ đầu năm 2017 trở đi, tình hình giá Titan đang có chiều hướng tăng, tuy biến động tăng không nhiều, nhưng với tình hình hiện tại đó là dấu hiệu cho thấy ngành Titan đang dần hồi phục và có xu hướng phát triển trở lại sau một thời gian dài tụt dốc... Tuy nhiên, do Titan là đầu vào của nhiều ngành khoa học công nghệ, an ninh quốc phòng, y tế, hàng không, vũ trụ,... Vì vậy, về mặt dài hạn, sức cầu của nguyên vật liệu này là rất lớn và được dự báo vượt xa mức cung trên thị trường. Chính vì vậy, HUMEXCO trong ngắn hạn sẽ tiếp tục thực hiện những giải pháp để ổn định và duy trì hoạt động của Công ty, qua đó tích lũy và nâng cao năng lực để phát triển trong dài hạn.

### **8.3 Sự phù hợp định hướng phát triển của công ty**

Titan là khoáng sản kim loại với những tính năng ưu việt như khối lượng thấp, độ bền hóa học và độ cứng cao,... đã và đang trở thành nguyên vật liệu chính cho nhiều ngành công nghiệp khác nhau, như khoa học công nghệ, an ninh quốc phòng, y tế, hàng không, vũ trụ,... Các sản phẩm chế biến sâu từ Quặng Titan có giá trị tối thiểu gấp 3 lần so với quặng ilmenite thô, bên cạnh trữ lượng tài nguyên khoáng sản dồi dào của Việt Nam, ngành Công nghiệp khai thác và chế biến Titan được xem là một trong những tiềm năng và lợi thế rất lớn của Việt Nam.

Định hướng cho ngành Titan Việt Nam trong việc khai thác và chế biến sâu Titan đến năm 2025, đã được Chính phủ đã xác định rõ: **“*Nghiêm cấm*”** xuất thô quặng Titan, khuyến khích chế biến sâu các sản phẩm từ quặng Titan để phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Theo quy định tại chỉ thị 02/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 09 tháng 01 năm 2012 về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản, từ ngày 01 tháng 7 năm 2012,

không xuất khẩu quặng titan chưa qua chế biến sâu và việc xuất khẩu phải được chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

Theo Thông tư số 41/2012-TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công thương quy định nhằm siết chặt việc xuất khẩu khoáng sản, qua đó hạn chế tối đa việc xuất khẩu quặng thô. Việc xuất khẩu quặng titan, theo quy định tại Thông tư 41 chỉ được phép xuất khẩu xỉ titan loại 1 (tỉ lệ oxit titan lớn hơn hoặc bằng 85%) và xỉ titan loại 2 (tỉ lệ oxit titan lớn hơn 70% và nhỏ hơn 85%); các loại quặng titan có hàm lượng oxit titan dưới 70% phải được tinh chế ở trong nước trước khi bán ra nước ngoài. Theo thông tư 41 nêu trên, sản phẩm titan chế biến sâu được phép xuất khẩu tối thiểu phải là Ilmenite hoàn nguyên ( $\text{TiO}_2 \geq 56\%$ ). Đây là cơ sở và tiềm năng rất lớn cho các doanh nghiệp đi đầu về việc triển khai các dự án chế biến sâu Titan như chế biến xỉ Titan, bột Ziron siêu mịn, bột màu  $\text{TiO}_2$  pigment... như HUMEXCO.

Theo Quyết định số 1546/QĐ-TTg ngày 03 tháng 09 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng Titan giai đoạn đến năm 2020, có xét tới năm 2030. Theo đó, mục tiêu tổng quát đến năm 2020: Hình thành ngành công nghiệp titan với các sản phẩm chế biến sâu đến Pigment và Titan xốp; đảm bảo nhu cầu trong nước về pigment; xuất khẩu các sản phẩm xỉ Titan, Titan xốp, muối Zircon oxychloride. Đến năm 2030, phát triển ngành công nghiệp titan ổn định và bền vững; tập trung và ưu tiên phát triển các sản phẩm Pigment, Titan xốp, Titan kim loại và Titan hợp kim phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Bên cạnh định hướng phát triển chung của Nhà nước, lãnh đạo Công ty luôn quan tâm sát sao đến các hoạt động sản xuất của Công ty trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động khai thác khoáng sản, đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ tài nguyên. Ngoài ra, HUMEXCO luôn chú trọng tới chính sách tuyển dụng, đào tạo đội ngũ lao động cho Công ty, do đó đội ngũ kỹ sư, cán bộ nhân viên luôn năng động, nhạy bén trong công việc và có những tư duy tốt trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Với chiến lược kinh doanh và định hướng phát triển đặt trọng tâm chế biến sâu xỉ Titan nhằm phát huy hiệu quả công nghệ chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, Công ty tiếp tục tập trung đào tạo, nâng cao năng lực quản lý kinh doanh, tài chính, kỹ thuật của cán bộ quản lý các cấp và xây dựng, đào tạo đội ngũ nhân viên, công nhân tay nghề và trình độ nghiệp vụ cao nhằm đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh công tác tiếp tục đổi mới công nghệ, củng cố và nâng cao chất lượng từng loại sản phẩm nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người tiêu dùng, Công ty sẽ đồng thời tăng dần tỷ trọng các sản phẩm có giá trị cao và giảm dần các sản phẩm có giá trị thấp, phù hợp với định hướng và quy hoạch phát triển chung của Nhà nước.

## II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

### 1. Thực trạng về tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (thời điểm 31/12/2017) thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

*Đơn vị tính: đồng*

| Tài sản                                    | Nguyên giá             | Khấu hao (*)           | Giá trị còn lại       |
|--------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|
| <b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>         | <b>215.333.390.773</b> | <b>138.725.036.224</b> | <b>76.608.354.549</b> |
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc                   | 68.168.821.159         | 36.434.418.863         | 31.734.402.296        |
| ▪ Máy móc thiết bị                         | 135.977.692.879        | 94.419.397.201         | 41.558.295.678        |
| ▪ Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | 9.544.693.045          | 6.420.569.025          | 3.124.124.020         |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý                | 1.642.183.690          | 1.450.651.135          | 191.532.555           |
| <b>2. Tài sản cố định vô hình</b>          | <b>8.675.785.909</b>   | <b>5.700.045.600</b>   | <b>2.975.740.309</b>  |
| ▪ Công nghệ sản xuất                       | 939.240.000            | 939.240.000            | 0                     |
| ▪ Công nghệ sản xuất xi Titan              | 7.736.545.909          | 4.760.805.600          | 2.975.740.309         |
| <b>3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>  | -                      | -                      | -                     |

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán tại thời điểm 31/12/2017 của HUMEXCO*

Ghi chú (\*): Theo thuyết minh Báo cáo tài chính kiểm toán 2017 do Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam ghi nhận:

- Giá trị hao mòn lũy kế trên bảng khấu hao Tài sản cố định hữu hình chênh lệch nhỏ hơn số kế toán tại 31/12/2017 số tiền: 143.195.845 đồng. Đây là chênh lệch từ cuối năm 2016 do Công ty giảm Tài sản cố định theo Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 09/03/2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế nhưng trên sổ kế toán thì khấu hao theo số khác.
- Trong năm 2017, Công ty không trích khấu hao một số tài sản cố định hữu hình và một số tài sản cố định vô hình dẫn đến trích thiếu khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình lần lượt là: 14.009.923.875 đồng và 1.071.193.636 đồng.

### 2. Thực trạng về tài chính, công nợ

Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2017 (theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017) như sau:

❖ **Vốn chủ sở hữu:** **118.490.926.332 đồng**

*Trong đó:*

|                                      |                             |
|--------------------------------------|-----------------------------|
| ▪ Vốn đầu tư của chủ sở hữu:         | 105.296.637.354 đồng        |
| ▪ Quỹ đầu tư phát triển:             | 15.680.656.671 đồng         |
| ▪ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: | (2.486.367.693) đồng        |
| <b>❖ Quỹ khen thưởng, phúc lợi:</b>  | <b>9.836.162.335 đồng</b>   |
| <b>❖ Các khoản phải thu:</b>         | <b>22.926.523.970 đồng</b>  |
| ▪ Phải thu ngắn hạn:                 | 19.304.857.010 đồng         |
| ▪ Phải thu dài hạn:                  | 3.621.666.960 đồng          |
| <b>❖ Nợ phải trả:</b>                | <b>138.064.206.861 đồng</b> |
| ▪ Nợ ngắn hạn:                       | 138.064.206.861 đồng (*)    |
| ▪ Nợ dài hạn:                        | 0 đồng                      |

(\*) Theo thuyết minh tại Báo cáo kiểm toán năm 2017 do Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam ghi nhận: “Theo Thông báo số 223/ĐTKDV-TCKT ngày 21/02/2017 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước thì đến thời điểm 20/02/2017, Công ty còn nợ lợi nhuận các năm 2011, 2012 phải nộp SCIC số tiền là 109.397.904.156 đồng và lãi chậm trả tính đến 20/02/2017 là 21.428.314.477 đồng. Tuy nhiên, hiện nay Công ty vẫn chưa chuyển trả SCIC số tiền này và cũng chưa phản ánh số tiền lãi chậm trả vào KQKD trong năm.”

### 3. Thực trạng về lao động

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31/12/2017 tổng số CBCNV của Công ty là 175 người với cơ cấu như sau:

| Tiêu chí                               | Số lượng<br>(người) | Tỷ trọng (%) |
|----------------------------------------|---------------------|--------------|
| <b>Theo trình độ lao động</b>          | <b>175</b>          | <b>100%</b>  |
| ▪ Trình độ trên đại học                | 0                   | 0%           |
| ▪ Trình độ đại học                     | 37                  | 21,14%       |
| ▪ Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp | 04                  | 2,29%        |
| ▪ Trình độ khác                        | 134                 | 76,57%       |
| <b>Theo loại hợp đồng lao động</b>     | <b>175</b>          | <b>100%</b>  |
| ▪ Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ    | 05                  | 2,86%        |
| ▪ Hợp đồng không thời hạn              | 170                 | 97,14%       |
| ▪ Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm         | 0                   | 0,00%        |
| ▪ Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm         | 0                   | 0,00%        |
| ▪ Hợp đồng tuyển dụng trước ngày       | 0                   | 0,00%        |

| Tiêu chí                                  | Số lượng<br>(người) | Tỷ trọng (%) |
|-------------------------------------------|---------------------|--------------|
| 30/08/1990 nhưng chưa chuyển sang ký HĐLĐ |                     |              |
| <b>Theo giới tính</b>                     | <b>175</b>          | <b>100%</b>  |
| ▪ Nam                                     | 157                 | 89,71%       |
| ▪ Nữ                                      | 18                  | 10,29%       |

Nguồn: HUMEXCO

**Số lao động bình quân các năm giai đoạn trước cổ phần hóa như sau:**

| Chỉ tiêu                  | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 |
|---------------------------|----------|----------|----------|----------|
| Số lao động bình quân năm | 1.007    | 716      | 600      | 185      |

Nguồn: HUMEXCO

Công ty luôn chấp hành nghiêm túc theo các quy định hiện hành của pháp luật về lao động. Người lao động được ký hợp đồng lao động, thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ.

#### **4. Thực trạng quản lý sử dụng đất và giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp**

Theo Quyết định số 2635/UBND-ĐC ngày 07 tháng 11 năm 2017 của UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế và Tờ trình số 374/TTr-STNMT-QLĐĐ ngày 23/10/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế, phương án sử dụng đất của Công ty sau cổ phần hóa như sau:

| TT | Khu đất                                                       | Diện tích<br>(m <sup>2</sup> ) | Hình thức sử dụng đất                                                                                                                       | Phương án sử dụng đất                                      |                                                            |
|----|---------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
|    |                                                               |                                |                                                                                                                                             | Hiện trạng                                                 | Sau CPH                                                    |
| 1  | Khu vực đèo mũi Né, Thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc, TT. Huế  | 7.729                          | + Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm theo quyết định số 2800/QĐ-UBND ngày 23/10/2002<br>+ Thời hạn thuê: 30 năm (đến ngày 23/10/2032)  | Nhà máy chế biến Titan Phú Lộc.                            | Nhà máy chế biến Titan Phú Lộc.                            |
| 2  | KCN La Sơn, xã Lộc Sơn, huyện Phú Lộc, TT. Huế                | 80.950                         | + Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm theo quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 01/08/2008<br>+ Thời hạn thuê: 50 năm (đến ngày 01/08/2058)  | Nhà máy xi Titan                                           | Nhà máy xi Titan                                           |
| 3  | Dạ Lê, Phường Thủy Phương, TX Hương Thủy, TT. Huế             | 19.600                         | + Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm theo quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 19/07/2004.<br>+ Thời hạn thuê: 25 năm (đến ngày 19/07/2029) | Xưởng xay nghiền sản đá Granit                             | Xưởng xay nghiền sản đá Granit                             |
| 4  | Khu đất nằm trong KCN Phú Bài, TX Hương Thủy, TT. Huế         | 63.387                         | + Nhà nước cho thuê đất trả tiền theo quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 19/07/2004<br>+ Thời hạn thuê: 50 năm (đến ngày 28/02/2049)           | - Nhà máy nghiền mịn Zircon Phú Bài;<br>- Nhà kho Công ty. | - Nhà máy nghiền mịn Zircon Phú Bài;<br>- Nhà kho Công ty. |
| 5  | Khu đất tại Thôn Kế Võ, xã Vinh Xuân, huyện Phú Vang, TT. Huế | 377.261,2                      | + Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm theo quyết định số 2312/ QĐ-UBND ngày 01/11/2013<br>+ Thời hạn thuê đất đến ngày 27/04/2024.      | Khai thác khoáng sản quặng Titan                           | Khai thác khoáng sản quặng Titan                           |
| 6  | Khu đất tại xã Hương Thọ, thị xã Hương Trà, TT. Huế           | 100.000                        | + Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm theo quyết định số 715/ QĐ-UBND ngày                                                              | Khai thác khoáng sản đá                                    | Khai thác khoáng sản đá                                    |

| TT | Khu đất                                                     | Diện tích<br>(m <sup>2</sup> ) | Hình thức sử dụng đất                                                                                                                   | Phương án sử dụng đất                                      |                                                            |
|----|-------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
|    |                                                             |                                |                                                                                                                                         | Hiện trạng                                                 | Sau CPH                                                    |
|    |                                                             |                                | 15/04/2013<br>+ Thời hạn thuê đất đến ngày 10/01/2038.                                                                                  | làm vật liệu xây dựng thông thường                         | làm vật liệu xây dựng thông thường                         |
| 7  | Khu đất tại xã Hương Bình, thị xã Hương Trà, TT. Huế        | 50.000                         | + Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm theo quyết định số 1439/ QĐ-UBND ngày 28/07/2015.<br>+ Thời hạn thuê đất đến ngày 24/12/2038. | Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường | Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường |
| 8  | Khu đất tại đường Nguyễn Gia Thiều, phường Phú Hậu, TP. Huế | 11.841                         | + Theo QĐ 2395/QĐ-UB ngày 12/9/200, thuê đất đến ngày phê duyệt Phương án cổ phần hóa                                                   | Trụ sở Công ty                                             | <b>Không tiếp tục thuê đất sau khi cổ phần hóa</b>         |

**5. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp**

Căn cứ hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và Biên bản thẩm tra xác định giá trị doanh nghiệp của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH NN MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế, Công ty tiếp tục xử lý một số vấn đề như sau:

- Đối với các tài sản không cần dùng và chờ thanh lý loại ra khỏi giá trị doanh nghiệp: Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế có trách nhiệm quản lý và xử lý theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính có liên quan;
- Đối với các tài sản Nhà nước thu hồi loại ra khỏi giá trị doanh nghiệp: Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế có trách nhiệm quản lý và xử lý theo quy định hiện hành và các văn bản có liên quan;
- Đối với khoản công nợ không có khả năng thu hồi loại ra khỏi giá trị doanh nghiệp: Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế có trách nhiệm xử lý theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính có liên quan;
- Đối với số dư tiền quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 19 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính có liên quan;
- Đối với khoản lãi chậm nộp của số tiền 109.397.904.156 đồng về SCIC tính đến ngày 20/2/2017, số lãi phát sinh là 21.428.314.477 đồng, hiện nay Công ty vẫn chưa nộp về SCIC và chưa phản ánh số tiền lãi chậm nộp vào kết quả kinh doanh tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2017, Công ty cần đối chiếu và phản ánh đầy đủ;
- Đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả: Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế có trách nhiệm rà soát, kiểm tra, phân loại đối chiếu các khoản công nợ và thực hiện theo đúng quy định trong quá trình cổ phần hóa.

**III. KẾT LUẬN**

Công ty TNHH Nhà Nước Một Thành Viên Khoáng Sản Thừa Thiên Huế là một trong những công ty hàng đầu về khai thác và chế biến khoáng sản Titan của Việt Nam. Công ty thực hiện khai thác và chế biến các sản phẩm là tinh quặng Ilmenite, Rutile, Monazite, Zircon, bột Zircon và xỉ Titan, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chất lượng của khách hàng trong nước và ngoài nước. Sản phẩm của Công ty được dùng làm nguyên liệu đầu vào cho nhiều ngành công nghiệp và được sử dụng rộng rãi trong lĩnh vực sản xuất gạch, gốm, thủy tinh, sơn, luyện kim và nguyên liệu đa dạng cho nhiều ngành công nghiệp khác. Với đội ngũ nhân sự năng động và nhiều kinh nghiệm, Công ty đã tạo được vị thế

vững chắc trên thị trường khoáng sản đối với các doanh nghiệp cùng ngành, các đối tác liên doanh, liên kết, cũng như sự tin tưởng của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Qua đó, kinh nghiệm quản lý và điều hành dự án của Công ty ngày càng được nâng cao.

Từ khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH MTV đến nay, HUMEXCO đã nhận được nhiều bằng khen và danh hiệu trong công tác hoạt động sản xuất và hoạt động cộng đồng. Công ty đã nhận được bằng khen đã có thành tích xuất sắc, đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển cộng đồng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2015 và là Đơn vị đạt danh hiệu *“Điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua yêu nước của CNVC-LĐ tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2010-2015”*. Căn cứ vào tình hình tổng quan và thực trạng của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp có thể khẳng định Công ty đủ điều kiện thực hiện cổ phần hóa. Việc đổi mới phương thức quản lý thông qua quá trình cổ phần hóa sẽ giúp cho Công ty TNHH NN MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế hoạt động tốt hơn khi chuyển sang Công ty Cổ phần.

**PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA****I. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN****1. Cơ sở pháp lý**

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn Nhà nước và danh mục doanh nghiệp Nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 – 2020;
- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài Chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của Doanh nghiệp Nhà nước và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp Nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 15/09/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu và Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 07/2018/TT-BLĐTBXH ngày 01/08/2018 do Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng phương án sử dụng lao động và thực hiện chính sách đối với người lao động khi cổ phần hóa quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính Phủ về chính sách tinh giản biên chế; Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC hướng dẫn chính sách tinh giản biên chế;
- Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt kế hoạch triển khai cổ phần hóa tại Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế;
- Quyết định số 1374/QĐ-BCĐCPH ngày 07/06/2018 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa về việc thành lập Tổ giúp việc cổ phần hóa tại Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế;
- Quyết định số 2635/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế;
- Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế (gọi tắt là Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 26/12/2018);
- Thông báo số 54/TB-STC ngày 07/01/2019 của Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa Công ty TNHH NN MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế.

## **2. Mục tiêu cổ phần hóa**

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được ghi rõ trong Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty gồm:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn nhà nước thành hình thức đa sở hữu. Tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hiện nay và trong tương lai.
- Huy động vốn nhân rồi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân, của các tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước để đầu tư phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động trong nhiều lĩnh vực nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và phát triển ổn định trong tương lai.
- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, người lao động tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.
- Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường, khắc phục tình trạng cổ phần khép kín trong nội bộ Công ty, gắn với thị trường vốn và chứng khoán.

## **3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa**

- Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, tận tình của UBND tỉnh, Ban

Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tinh, Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty, các cơ quan ban ngành; nên đây cũng là điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá;

- Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần;
- Ban Giám đốc Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho cán bộ công nhân viên được thực hiện chu đáo;
- Toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hoá Công ty, sẵn sàng tham gia góp vốn cổ phần.

#### **4. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa**

##### ***4.1. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp***

Căn cứ Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt kế hoạch triển khai cổ phần hóa tại Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH NN MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế là 24h ngày 31/12/2017.

##### ***4.2. Phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp***

Chi nhánh Công ty cổ phần Tư vấn – Dịch vụ về tài sản – Bất động sản DATC tại Huế áp dụng **phương pháp tài sản** theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần và hướng dẫn tại Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần. Ban chỉ đạo cổ phần hóa đã tổ chức họp ngày 13/12/2018 thẩm tra Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và ngày 26/12/2018 Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế.

##### ***4.3. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp***

Căn cứ Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để thực hiện cổ phần hóa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 24h ngày 31/12/2017 của Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế là: **275.394.937.636** đồng (*Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi lăm tỷ, ba trăm chín mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi bảy ngàn, sáu trăm ba mươi sáu đồng*)
- Trong đó, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế tại thời điểm 24h ngày 31/12/2017 để cổ phần hóa là: **132.516.591.228** đồng (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi hai tỷ, năm trăm mười sáu triệu, năm trăm chín mươi một ngàn, hai trăm hai mươi tám đồng*).

Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế tại thời điểm 24h ngày 31/12/2017 được trình bày chi tiết ở bảng sau:

*Đơn vị tính: Đồng*

| Chỉ tiêu                                       | Số liệu kế toán        | Số liệu thẩm tra của BCD | Chênh lệch            |
|------------------------------------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------|
| (1)                                            | (2)                    | (3)                      | (4)=(3)-(2)           |
| <b>A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)</b>      | <b>256.555.133.193</b> | <b>275.394.937.636</b>   | <b>18.839.804.443</b> |
| <b>I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</b>    | <b>87.318.563.965</b>  | <b>100.020.349.345</b>   | <b>12.701.785.380</b> |
| 1. Tài sản cố định                             | 79.584.094.858         | 92.285.880.238           | 12.701.785.380        |
| a. Tài sản cố định hữu hình                    | 76.608.354.549         | 89.122.291.929           | 12.513.937.380        |
| b. Tài sản cố định vô hình                     | 2.975.740.309          | 3.163.588.309            | 187.848.000           |
| c. Tài sản cố định thuê tài chính              | 0                      |                          | 0                     |
| 2. Bất động sản đầu tư                         |                        |                          |                       |
| 3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn          | 0                      | 0                        | 0                     |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang             |                        |                          |                       |
| 5. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn           | 0                      | 0                        | 0                     |
| 6. Chi phí trả trước dài hạn                   | 4.112.802.147          | 4.112.802.147            | 0                     |
| 7. Các khoản phải thu dài hạn                  | 3.621.666.960          | 3.621.666.960            | 0                     |
| <b>II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b> | <b>169.236.569.228</b> | <b>168.414.509.228</b>   | <b>(822.060.000)</b>  |
| 1. Tiền                                        | 22.181.553.990         | 22.181.553.990           | 0                     |
| + Tiền mặt tồn quỹ                             | 90.652.618             | 90.652.618               | 0                     |
| + Tiền gửi ngân hàng                           | 22.090.901.372         | 22.090.901.372           | 0                     |
| + Tiền đang chuyển                             | 0                      | 0                        | 0                     |
| 2. Đầu tư tài chính ngắn hạn                   |                        |                          |                       |
| 3. Các khoản phải thu                          | 19.304.857.010         | 18.421.517.010           | (883.340.000)         |

| Chỉ tiêu                                                                               | Số liệu kế toán        | Số liệu thẩm tra của BCD | Chênh lệch            |
|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------|
| (1)                                                                                    | (2)                    | (3)                      | (4)=(3)-(2)           |
| 4. Vật tư hàng hoá tồn kho                                                             | 84.087.849.225         | 84.087.849.225           | 0                     |
| 5. Tài sản lưu động khác                                                               | 43.662.309.003         | 43.723.589.003           | 61.280.000            |
| 6. Chi phí sự nghiệp                                                                   |                        |                          | 0                     |
| <b>III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN</b>                                          | <b>0</b>               | <b>6.960.079.063</b>     | <b>6.960.079.063</b>  |
| 1. Giá trị tiềm năng phát triển                                                        | 0                      | 5.336.031.257            | 5.336.031.257         |
| 2. Giá trị thương hiệu                                                                 | 0                      | 1.500.000.000            | 1.500.000.000         |
| 3. Giá trị lợi thế thuê đất                                                            | 0                      | 124.047.806              | 124.047.806           |
| <b>IV. Giá trị quyền sử dụng đất</b>                                                   | <b>0</b>               | <b>0</b>                 | <b>0</b>              |
| <b>B. Tài sản không cần dùng</b>                                                       | <b>0</b>               | <b>2.185.823.355</b>     | <b>2.185.823.355</b>  |
| <b>I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</b>                                            | <b>0</b>               | <b>1.302.483.355</b>     | <b>1.302.483.355</b>  |
| 1. Tài sản cố định                                                                     | 0                      | 1.302.483.355            | 1.302.483.355         |
| <i>Trong đó: Tài sản đầu tư bằng quỹ khen thưởng + quỹ phúc lợi</i>                    |                        |                          |                       |
| 2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn                                                  | 0                      | 0                        | 0                     |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang                                                     | 0                      | 0                        | 0                     |
| 4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn                                                   | 0                      | 0                        | 0                     |
| <b>II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b>                                         | <b>0</b>               | <b>883.340.000</b>       | <b>883.340.000</b>    |
| 1. Công nợ không có khả năng thu hồi                                                   | 0                      | 883.340.000              | 883.340.000           |
| 2. Hàng hoá tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất                                          | 0                      | 0                        | 0                     |
| 3. Hoàn nhập khoản dự phòng phải thu                                                   | 0                      | 0                        | 0                     |
| <b>C. Tài sản chờ thanh lý</b>                                                         | <b>0</b>               | <b>2.909.679.764</b>     | <b>2.909.679.764</b>  |
| 1. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn                                                   | 0                      | 2.909.679.764            | 2.909.679.764         |
| 2. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn                                                 | 0                      | 0                        | 0                     |
| <b>D. Tài sản Nhà nước thu hồi</b>                                                     | <b>0</b>               | <b>8.938.000</b>         | <b>8.938.000</b>      |
| 1. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn                                                   | 0                      | 8.938.000                | 8.938.000             |
| - <i>Tài sản cố định nhà cửa, vật kiến trúc (Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán)</i> | 0                      | 8.938.000                | 8.938.000             |
| <b>E. Tài sản hình thành từ quỹ PL, khen thưởng (không sử dụng cho mục đích SXKD)</b>  | <b>0</b>               |                          | 0                     |
| <b>TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+ B+ C+ D+ E)</b>                                     | <b>256.555.133.193</b> | <b>280.499.378.755</b>   | <b>23.944.245.562</b> |

| Chỉ tiêu                                                                    | Số liệu kế toán        | Số liệu thẩm tra của BCD | Chênh lệch            |
|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------|
| (1)                                                                         | (2)                    | (3)                      | (4)=(3)-(2)           |
| <b>Trong đó:</b>                                                            |                        |                          |                       |
| <b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP</b>                                    | <b>256.555.133.193</b> | <b>275.394.937.636</b>   | <b>18.839.804.443</b> |
| Mục A                                                                       | 256.555.133.193        | 275.394.937.636          | 18.839.804.443        |
| Chênh lệch đánh giá tài sản chuyển giao                                     | 0                      | 0                        | 0                     |
| <b>E1. Nợ thực tế phải trả</b>                                              | <b>138.064.206.861</b> | <b>142.878.346.408</b>   | <b>4.814.139.547</b>  |
| Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN             | 0                      | 0                        | 0                     |
| <b>E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp</b>                                         | <b>0</b>               | <b>0</b>                 | <b>0</b>              |
| <b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP {A- (E1+E2)}</b> | <b>118.490.926.332</b> | <b>132.516.591.228</b>   | <b>14.025.664.896</b> |

*Nguồn: Biên bản thẩm tra xác định giá trị doanh nghiệp HUMEXCO của Ban chỉ đạo cổ phần hóa ngày 13/12/2018*

Căn cứ theo Điều 2 của Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 26/12/2018, tài sản và nợ phải thu không đưa vào giá trị doanh nghiệp của HUMEXCO tại thời điểm 31/12/2017 tính theo giá trị còn lại ghi trên sổ sách kế toán là 5.104.441.119 đồng, gồm:

- + **Tài sản cố định:**
  - Tài sản không cần dùng là phương tiện vận tải: 1.302.483.355 đồng
  - Tài sản chờ thanh lý là máy móc thiết bị: 2.909.679.764 đồng
- + **Công nợ không có khả năng thu hồi:** 883.340.000 đồng
- + **Tài sản cố định là Nhà cửa, vật kiến trúc tại địa chỉ số 53 đường Nguyễn Gia Thiều, thành phố Huế mà Nhà nước thu hồi:** 8.938.000 đồng.

Ban chỉ đạo cổ phần hóa HUMEXCO có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng phương án cho Công ty thuê lại tài sản đã loại ra ghi tại khoản 3 điều 2 Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 (nhà cửa, vật kiến trúc tại địa chỉ số 53 đường Nguyễn Gia Thiều, TP.Huế) theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

Công ty có trách nhiệm tiếp tục quản lý tài sản và nợ phải thu khó đòi loại ra khỏi giá trị doanh nghiệp cho đến khi bàn giao theo quy định hiện hành.

## II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

### 1. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, doanh nghiệp chọn hình thức cổ phần hóa theo khoản 2 Điều 5 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh

ngành nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần là “*Kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ*”.

## **2. Thông tin về Công ty cổ phần**

- Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**
- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**
- Tên tiếng Anh : **THUA THIEN HUE MINERALS JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **HUMEXCO**
- Địa chỉ : 53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Điện thoại : 0234.3541044 - 0234. 3523695
- Fax : 0234.3527926
- Website : <http://humexco.com.vn/>
- Email : [humexco@dng.vnn.vn](mailto:humexco@dng.vnn.vn)



- Logo :

## **3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ**

### **3.1. Quy mô Vốn điều lệ**

Căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 33 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017: “Căn cứ giá trị phần vốn nhà nước theo sổ sách kế toán tại doanh nghiệp cổ phần hóa và kế hoạch sản xuất, kinh doanh của các năm sau khi chuyển thành công ty cổ phần, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định quy mô vốn điều lệ theo nguyên tắc sau:

a) Trường hợp giá trị phần vốn nhà nước theo sổ sách kế toán tại doanh nghiệp lớn hơn mức vốn điều lệ cần thiết cho hoạt động của doanh nghiệp thì cơ quan đại diện chủ sở hữu xác định vốn điều lệ theo nhu cầu thực tế. Phần chênh lệch giữa giá trị phần vốn nhà nước theo sổ sách kế toán tại doanh nghiệp với mức vốn điều lệ xác định được nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

b) Trường hợp phát hành thêm cổ phiếu, vốn điều lệ được xác định bằng giá trị phần vốn nhà nước theo sổ sách kế toán tại doanh nghiệp và giá trị cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá cổ phiếu.”

Giá trị phần vốn nhà nước theo sổ sách kế toán của Công ty sau khi xử lý tài chính tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2017) được xác định theo bảng sau:

|                                                                                                      | Theo sổ sách kế toán<br>tại thời điểm xác<br>định giá trị doanh<br>nghiệp 31/12/2017 | Giá trị thực tế tại thời điểm<br>xác định giá trị doanh nghiệp<br>31/12/2017 |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Giá trị doanh nghiệp (1)</b>                                                                      | 256.555.133.193                                                                      | 280.499.378.755                                                              |
| Tài sản không cần dùng, chờ<br>thành lý, chờ bàn giao và<br>công nợ không có khả năng<br>thu hồi (2) | 5.104.441.119                                                                        | 5.104.441.119                                                                |
| Nợ phải trả (3)                                                                                      | 138.064.206.861                                                                      | 142.878.346.408                                                              |
| <b>Giá trị phần vốn Nhà nước<br/>sau khi xử lý tài chính (1)-<br/>[(2)+(3)]</b>                      | <b>113.386.485.213</b>                                                               | <b>132.516.591.228</b>                                                       |

Cụ thể, giá trị phần vốn nhà nước theo giá trị sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2017 là 118.490.926.332 đồng, sau khi xử lý tài chính tại thời điểm 31/12/2017 thì bằng  $118.490.926.332 - 5.104.441.119 = 113.386.485.213$  đồng, làm tròn là 113.386.490.000 đồng.

Để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh sau quá trình cổ phần hóa, vốn điều lệ của Công ty cổ phần Khoáng sản Thừa Thiên Huế được xác định như sau:

- Vốn điều lệ dự kiến của Công ty cổ phần: **150.000.000.000 đồng**, trong đó:
  - Vốn Nhà nước là 113.386.490.000 đồng (*Một trăm mười ba tỷ, ba trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm chín mươi ngàn đồng*), tương ứng 11.338.649 cổ phần.
  - Giá trị phát hành thêm: 36.613.510.000 đồng (*Ba mươi sáu tỷ, sáu trăm mười ba triệu, năm trăm mười ngàn đồng*), tương ứng 3.661.351 cổ phần. Giá trị phát hành thêm được sử dụng một phần cho việc di dời trụ sở làm việc từ 53 Nguyễn Gia Thiều, Tp. Huế sang một vị trí mới (Nhà nước sẽ thu hồi đất tại 53 Nguyễn Gia Thiều theo phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt) và phần còn lại sẽ bổ sung vào vốn lưu động của Công ty.
- Mệnh giá một cổ phần: 10.000 đồng.
- Số lượng cổ phần dự kiến: 15.000.000 cổ phần.

### 3.2. Cơ cấu vốn Điều lệ

Căn cứ Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn Nhà nước và danh mục doanh nghiệp Nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 – 2020, Công ty Khoáng sản Thừa Thiên Huế thuộc nhóm doanh nghiệp khi thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, Nhà nước nắm giữ từ 65% vốn điều lệ trở lên.

Để đảm bảo được nguồn vốn hoạt động cũng như duy trì hoạt động ổn định của Công ty sau cổ phần hóa; đồng thời vẫn kêu gọi được nhà đầu tư bên ngoài tham gia góp vốn,

phát huy tính năng động, sáng tạo trong công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị; phù hợp với xu thế, chủ trương xã hội hóa hiện nay, HUMEXCO đề xuất tỷ lệ nắm giữ của nhà nước tại công ty cổ phần là **65,5%**.

Cơ cấu vốn điều lệ của công ty cổ phần dự kiến như sau:

| TT               | Cổ đông                                                              | Số lượng cổ phần  | Giá trị cổ phần (đồng) | Tỷ lệ %     |
|------------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------|-------------|
| 1                | Nhà nước                                                             | 9.825.000         | 98.250.000.000         | 65,50%      |
| 2                | CBCNV mua ưu đãi                                                     | 270.200           | 2.702.000.000          | 1,80%       |
| 2.1              | <i>Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước</i> | 270.200           | 2.702.000.000          | 1,80%       |
| 2.2              | <i>Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần</i> | 0                 | 0                      | 0           |
| 3                | Công đoàn Công ty                                                    | 0                 | 0                      | 0           |
| 4                | Nhà đầu tư chiến lược                                                | 0                 | 0                      | 0           |
| 5                | Nhà đầu tư bên ngoài mua cổ phần thông qua đấu giá                   | 4.904.800         | 49.048.000.000         | 32,70%      |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                      | <b>15.000.000</b> | <b>150.000.000.000</b> | <b>100%</b> |

#### 4. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc phát hành cổ phần qua đấu giá

##### 4.1. Đối tượng mua cổ phần

Đối tượng mua cổ phần bao gồm: Cán bộ công nhân viên Công ty, các nhà đầu tư trong và ngoài nước mua thông qua đấu giá (theo Điều 6 và Điều 42 Nghị định 126/2017/NĐ-CP).

##### 4.2. Cổ phần bán cho CBCNV

Gồm 2 hình thức chi tiết như sau:

##### 4.2.1. Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần: *“Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa; Người lao động của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh*

*ng nghiệp cổ phần hóa đã được cử xuống làm đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp khác chưa được hưởng chính sách mua cổ phần ưu đãi tại các doanh nghiệp khác; Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp cấp II (chưa được hưởng chính sách mua cổ phần ưu đãi tại các doanh nghiệp khác) tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa đối với các doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định này” thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “giá bán bằng 60% giá trị 01 cổ phần tính theo mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần)”.*

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (thời điểm 31/12/2017) là: 175 người;
- Tổng số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 175 người;
- Tổng số năm công tác toàn bộ số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 2.702 năm.
- Tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định của hình thức này là 270.200 cổ phần với tổng mệnh giá là 2.702.000.0000 đồng chiếm 1,80% vốn điều lệ công ty cổ phần.
- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Sau khi phương án cổ phần hóa được phê duyệt, việc bán cổ phần cho CBCNV phải hoàn tất trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư tham gia cuộc bán đấu giá công khai (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP).
- Giá bán: Được xác định bằng 60% giá trị một cổ phần tính theo mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần) là **6.000 đồng/ cổ phần**.
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 42 Nghị định 126/2017/NĐ-CP: **“Số cổ phần bán với giá ưu đãi theo quy định tại khoản này, người lao động phải nắm giữ và không được chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ thời điểm nộp tiền mua cổ phần ưu đãi”**.

Danh sách CBCNV mua cổ phiếu theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước theo Phụ lục đính kèm.

#### ***4.2.2. Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần***

Tiêu chí xác định người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao, cụ thể:

##### ***1. Phạm vi áp dụng:***

Người lao động có tên trong danh sách chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần; người lao động có sức khỏe tốt và **cam kết làm việc lâu dài cho Công ty trong thời hạn ít nhất là 03 năm** (kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

lần đầu); người lao động không bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách bằng văn bản trở lên (nếu có) và thời hiệu xử lý kỷ luật đã hết.

## **2. Các tiêu chí:**

**a) Tiêu chí về chức danh:** Chủ tịch Công ty, Ban Giám đốc, Trưởng phó phòng nghiệp vụ, Trưởng phó phòng quản đốc mỏ, trưởng phó nhà máy chế biến.

Công nhân sản xuất – khai thác, công nhân kỹ thuật (cơ, điện, lái xe công trình, ...) có thời gian làm việc ở Công ty trên 01 năm.

## **b) Tiêu chí về trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao và thâm niên công tác:**

Là những người lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao: được Công ty cử đi học chuyển giao công nghệ xi Titan, công nghệ Zircon nghiền mịn, Những người được đào tạo có chứng chỉ Giám đốc điều hành mỏ, chuyên viên phân tích hóa có thời gian làm việc chuyên môn tại Công ty từ 10 năm trở lên.

Các nội dung chính sách ưu đãi mua cổ phần đã được thảo luận và thống nhất tại Đại hội công nhân viên chức bất thường tổ chức ngày 11/3/2019.

Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Sau khi phương án cổ phần hóa được phê duyệt, việc bán cổ phần cho CBCNV phải hoàn tất trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư tham gia cuộc bán đấu giá công khai (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP).

Giá bán: Bằng giá khởi điểm được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trong phương án cổ phần hóa.

Điều kiện hạn chế chuyển nhượng: Toàn bộ số cổ phần đăng ký mua cam kết sẽ bị hạn chế chuyển nhượng đến khi kết thúc thời hạn cam kết.

Theo báo cáo số 09/2019/BC-TCHC ngày 21/01/2019 của Phòng tổ chức Hành chính thì tính đến thời điểm kết thúc hạn đăng ký, Công ty không có CBCNV đăng ký mua theo quy định của hình thức này.

## **4.3. Cổ phần bán ưu đãi cho Tổ chức Công đoàn**

Căn cứ theo Công văn số 05/CĐ-KS/2019 ngày 22/01/2019 của Ban chấp hành Công đoàn Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế, Tổ chức Công đoàn của Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế không đăng ký mua cổ phần.

## **4.4. Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược**

Theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần thì các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có đủ các điều kiện theo quy định có thể trở thành nhà đầu tư chiến lược của Công ty TNHH NN MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế, cụ thể:

“- Có đủ tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật;

- Có năng lực tài chính và có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 02 năm gần

*nhất tính đến thời điểm đăng ký mua cổ phần có lãi, không có lỗ lũy kế;*

*- Có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền khi đăng ký trở thành nhà đầu tư chiến lược của doanh nghiệp cổ phần hóa về những nội dung sau:*

*+ Tiếp tục duy trì ngành nghề kinh doanh chính và thương hiệu của doanh nghiệp cổ phần hóa trong thời gian ít nhất 03 năm kể từ thời điểm chính thức trở thành nhà đầu tư chiến lược.*

*Đối với các doanh nghiệp đã nằm trong danh sách doanh nghiệp đạt thương hiệu Quốc gia, cơ quan đại diện chủ sở hữu báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định cụ thể thời gian nhà đầu tư chiến lược phải cam kết tiếp tục duy trì ngành nghề kinh doanh chính và thương hiệu của doanh nghiệp cổ phần hóa.*

*+ Không chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu hoạt động theo Luật doanh nghiệp.*

*+ Phương án hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa trong việc chuyển giao công nghệ mới; đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính; quản trị doanh nghiệp; cung ứng nguyên vật liệu; phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.*

*+ Các nghĩa vụ bồi thường khi vi phạm cam kết đã ký với mức bồi thường xác định theo thiệt hại thực tế và quyền định đoạt của Nhà nước đối với toàn bộ số lượng cổ phần nhà đầu tư chiến lược mua khi vi phạm các cam kết đã ký”.*

Đến nay, không có nhà đầu tư chiến lược tham gia mua cổ phần của Công ty.

#### **4.5. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài**

Số cổ phần thực hiện bán cho các nhà đầu tư bên ngoài như sau:

- Tổ chức bán đấu giá 4.904.800 phần với tổng mệnh giá là 49.048.000.000 đồng, chiếm 32,70% vốn điều lệ công ty cổ phần, cho các nhà đầu tư thông qua đấu giá. Các giới hạn về tỷ lệ đăng ký mua của nhà đầu tư tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài sẽ được quy định cụ thể theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm bán đấu giá và được công bố thông tin công khai theo quy định.
- Xác định giá khởi điểm như sau:

+ Công thức tính:

**Giá khởi điểm = (Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước được phê duyệt tại Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế/ Số lượng cổ phần tương ứng với vốn Nhà nước)**

$$= \frac{132.516.591.228}{11.338.649} = 11.687 \text{ đồng/ cổ phần, làm tròn } 11.700 \text{ đồng/ cổ phần}$$

Giá khởi điểm dự kiến: **11.700 đồng/cổ phần**, mức giá khởi điểm cụ thể sẽ Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt trong Quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế.

- Thời gian bán đấu giá: Dự kiến tháng 04- 05/2019 sau khi có Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế.
- Đơn vị tư vấn bán đấu giá: Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á, địa chỉ: Tầng 2 và Tầng 3 Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
- Đơn vị tổ chức bán đấu giá: Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định tại Điều 6 Nghị định 126/2017/NĐ-CP.

## **5. Loại cổ phần và phương thức chào bán**

### **5.1 Loại cổ phần**

- Tất cả cổ phần của Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông.
- Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

### **5.2 Phương thức chào bán**

- Việc bán cổ phần với giá ưu đãi cho cán bộ công nhân viên được thực hiện tại doanh nghiệp, theo danh sách đã được phê duyệt.
- Cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác thông qua hình thức bán đấu giá dự kiến được tổ chức tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế ủy quyền cho Chủ tịch Công ty ký Hợp đồng dịch vụ tổ chức bán đấu giá với Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
- Xử lý số cổ phần không bán hết (nếu có):

Căn cứ theo quy định tại Điều 37 Nghị định 126/2017/NĐ-CP:

*“1. Trường hợp không có nhà đầu tư nào đăng ký mua cổ phần, Ban Chỉ đạo thực hiện bán cổ phần cho người lao động và tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã duyệt, đồng thời thực hiện các thủ tục để chuyển doanh nghiệp sang công ty cổ phần, số lượng cổ phần chưa bán được sẽ được điều chỉnh lại vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ và thực hiện thoái vốn sau khi doanh nghiệp đã hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.*

*2. Trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần, Ban Chỉ đạo thực hiện thỏa thuận bán cổ phần cho nhà đầu tư đã đăng ký mua cổ phần với giá bán không thấp hơn giá khởi điểm với khối lượng đã đăng ký mua hợp lệ. Nếu nhà đầu tư không mua, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.*

3. Trường hợp sau khi bán đấu giá công khai tất cả các nhà đầu tư trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai đều từ chối mua, doanh nghiệp cổ phần hóa được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp đã bán được một phần số cổ phần chào bán trong cuộc đấu giá công khai, số lượng cổ phần còn lại chưa bán được trong cuộc đấu giá công khai (bao gồm cả số lượng cổ phần các nhà đầu tư đã trúng giá nhưng từ chối mua) được thực hiện theo trình tự sau:

a) Ban Chỉ đạo tiếp tục thông báo đến các nhà đầu tư đã tham gia đấu giá hợp lệ (không bao gồm các nhà đầu tư đã trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai) để bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư này theo đúng khối lượng đã đăng ký và mức giá đã đặt mua tại phiên đấu giá theo nguyên tắc lựa chọn giá thỏa thuận từ mức giá đã trả cao nhất xuống mức thấp của cuộc đấu giá đã công bố trở xuống cho đủ số lượng cổ phần còn phải bán.

b) Nếu không bán hết cổ phần cho các nhà đầu tư sau khi đã thỏa thuận, Ban Chỉ đạo tiếp tục thông báo đến các nhà đầu tư đã trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai (không bao gồm các nhà đầu tư đã trúng đấu giá nhưng từ chối mua) để thỏa thuận bán cho các nhà đầu tư này với giá bán là mức giá đã đặt mua tại phiên đấu giá của từng nhà đầu tư theo nguyên tắc lựa chọn giá thỏa thuận từ mức giá đã trả cao nhất xuống mức thấp của cuộc đấu giá đã công bố trở xuống cho đủ số lượng cổ phần còn phải bán.

c) Trường hợp số lượng cổ phiếu không bán hết theo quy định tại điểm a và b khoản này, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.”

## 6. Chi phí cổ phần hóa

- Căn cứ quy định tại Điều 8 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Điều 14 Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018;
- Căn cứ Thông báo số 54/TB-STC ngày 07/01/2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế thông báo về việc phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa Công ty TNHH NN MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế thành công ty cổ phần.
- Tình hình thực hiện cổ phần hóa của Công ty.

Dự toán tổng chi phí cổ phần hóa được phê duyệt theo Thông báo số 54/TB-STC là 530.000.000 đồng, gồm các khoản mục chính sau:

| TT | Khoản mục chi phí                                                                                                   | Số được phê duyệt (Đồng) | Ghi chú |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------|
| A  | Các khoản chi phí trực tiếp tại công ty                                                                             | 205.050.000              |         |
| 1  | Chi phí tuyên truyền, công bố thông tin về doanh nghiệp; Chi phí quảng cáo trên báo chí Trung ương và Địa phương và | 25.000.000               |         |

| TT       | Khoản mục chi phí                                                                                                                                                                                     | Số được phê duyệt<br>(Đồng) | Ghi chú |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------|
|          | chi phí khác.                                                                                                                                                                                         |                             |         |
| 2        | Phí dịch vụ đấu giá cổ phần (dự kiến) (*)                                                                                                                                                             | 100.000.000                 |         |
| 3        | Chi phí thuê kiểm toán báo cáo tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần (căn cứ theo giá trị hợp đồng của các năm trước để thực hiện)                                          | 50.000.000                  |         |
| 4        | Chi phí tổ chức Đại hội cổ đông thành lập (thuê hội trường, gửi thư mời cổ đông, in ấn,...)                                                                                                           | 15.000.000                  |         |
| 5        | Chi phí khác liên quan đến cổ phần hóa                                                                                                                                                                | 15.050.000                  |         |
| <b>B</b> | <b>Chi phí thuê tư vấn cổ phần hóa (căn cứ theo giá trị hợp đồng thực tế)</b>                                                                                                                         | <b>179.000.000</b>          |         |
| 1        | Chi phí thuê tư vấn xác định GTDN                                                                                                                                                                     | 80.000.000                  |         |
| 2        | Chi phí tư vấn xây dựng Đề án CPH                                                                                                                                                                     | 33.000.000                  |         |
| 3        | Chi phí tư vấn thủ tục, xây dựng hồ sơ bán cổ phần                                                                                                                                                    | 33.000.000                  |         |
| 4        | Chi phí tư vấn Tổ chức Đại hội cổ đông thành lập                                                                                                                                                      | 33.000.000                  |         |
| <b>C</b> | <b>Thù lao cho Ban Chỉ đạo CPH và Tổ giúp việc</b>                                                                                                                                                    | <b>145.950.000</b>          |         |
| 1        | Thù lao cho Ban Chỉ đạo CPH và Tổ giúp việc Ban Đổi mới và Phát triển DN<br>(Chi tiết: BCD: 08 người x 1.390.000 đồng/tháng x 05 tháng), TGV ban đổi mới: 08 người x 05 tháng x 1.390.000 đồng/tháng) | 111.200.000                 |         |
| 2        | Thù lao cho Tổ giúp việc Công ty<br>(Chi tiết: 05 người x 1.390.000 đồng/tháng x 05 tháng)                                                                                                            | 34.750.000                  |         |
|          | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                                                                                                                                      | <b>530.000.000</b>          |         |

Ghi chú:

(\*) Mức phí bán đấu giá cổ phần qua Sở giao dịch chứng khoán là 0,3% trên tổng giá trị cổ phần thực tế bán được, tối thiểu là 20 triệu đồng/đợt và tối đa không quá 300 triệu đồng/đợt. (Tham khảo Thông tư số 127/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018).

Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế kính trình Ban chỉ đạo xem xét, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt chi phí thực hiện cổ phần hóa của Công ty được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

## 7. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại Điều 39 của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 và mục III Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, mức vốn điều lệ dự kiến, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch thu tiền từ cổ phần hóa và nộp vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp, chi tiết như sau (tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá khởi điểm 11.700 đồng/cổ phần và giá đấu bình quân là 11.700 đồng/cổ phần, giá bán ưu đãi cho người lao động theo thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước là 6.000 đồng/ cổ phần):

| TT  | Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước                                                                  |                                    | Số tiền (đồng)  |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------|
| 1   | Vốn điều lệ Công ty cổ phần                                                                           | (a)                                | 150.000.000.000 |
| 2   | Giá trị sổ sách phần vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2017 (Sau khi xử lý tài chính) | (b)                                | 113.386.485.213 |
| 3   | Tiền thu từ cổ phần hoá                                                                               | (c)                                | 59.007.360.000  |
| 3.1 | Thu từ bán cổ phần cho CBCNV                                                                          |                                    | 1.621.200.000   |
|     | + Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước (Giá bán 6.000 đồng/ CP)              |                                    | 1.621.200.000   |
|     | + Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần (Giá bán: 11.700 đồng/ CP)            |                                    | 0               |
| 3.2 | Thu từ bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược                                                          |                                    | 0               |
| 3.3 | Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài (Giá bán: 11.700 đồng/ CP)                                            |                                    | 57.386.160.000  |
| 4   | Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm để lại DN                                                     | (e) =<br>3.661.351*10.000          | 36.613.510.000  |
| 5   | Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện                                                                  | (f)                                | 530.000.000     |
| 6   | Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư                                                 | (g)                                | 543.242.140     |
| 7   | Phần thặng dư của số cổ phần phát hành thêm                                                           | TD                                 | 0               |
| 8   | Phần thặng dư vốn để lại DN tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm /Vốn điều lệ                       | (h) = [TD – (f) – (g)] x [(e)/(a)] | 0               |

| TT | Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước                       | Số tiền (đồng)        |
|----|------------------------------------------------------------|-----------------------|
|    | <b>Tổng số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp</b> | <b>21.320.607.860</b> |

Công ty sẽ thực hiện hoàn vốn ngân sách nhà nước theo quy định sau khi hoàn tất việc bán cổ phần ra bên ngoài theo trình tự như sau:

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư mua qua đấu giá công khai: Công ty được chuyển tiền thu từ bán cổ phần tương ứng kinh phí giải quyết chính sách lao động dôi dư và chi phí cổ phần hóa theo dự toán đã xác định theo phương án cổ phần hóa này và chuyển toàn bộ số tiền còn lại về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp.
- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền đối với các trường hợp bán thỏa thuận, bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn và người lao động thì Doanh nghiệp chuyển toàn bộ số tiền thu được về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp.
- Trong thời hạn 90 ngày kể từ thời điểm cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Doanh nghiệp tự xác định số tiền phải nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định 126/2017/NĐ-CP.

#### **8. Kế hoạch đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch/ niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán**

Căn cứ khoản 8 Điều 7 Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018: “a) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần trúng đấu giá, Tổ chức thực hiện bán đấu giá có văn bản gửi Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thông báo giá thanh toán bình quân kèm theo danh sách người sở hữu cổ phần trúng đấu giá đã được thanh toán. Danh sách người sở hữu cổ phần trúng đấu giá phải có đầy đủ thông tin về họ tên, số đăng ký sở hữu, địa chỉ, tài khoản lưu ký, số lượng cổ phần sở hữu. Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm cấp mã giao dịch cổ phần cho doanh nghiệp cổ phần hóa trên cơ sở đề xuất của doanh nghiệp tại Đơn đăng ký đấu giá bán cổ phần (theo phụ lục số 5 kèm theo Thông tư này).

b) Căn cứ thông báo của Tổ chức thực hiện bán đấu giá theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều này, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đưa cổ phần vào giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCoM trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần trúng đấu giá. Giá tham chiếu cho ngày giao dịch đầu tiên trên hệ thống giao dịch UpCoM được xác định trên cơ sở giá đấu thành công bình quân của cuộc đấu giá công khai.

c) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trước thời hạn 90 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần trúng đấu giá, doanh nghiệp cổ phần hóa có văn bản thông báo cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

*trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đưa cổ phần vào giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCoM trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của doanh nghiệp cổ phần hóa.*

*d) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán, trong thời hạn tối đa chín mươi (90) ngày kể từ ngày hoàn tất việc bán cổ phần lần đầu, doanh nghiệp cổ phần hóa phải nộp hồ sơ niêm yết cho Sở giao dịch chứng khoán để thực hiện niêm yết theo quy định và thông báo kết quả bán cổ phần lần đầu cho Ủy ban chứng khoán nhà nước”.*

Sau khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần, Công ty cổ phần Khoáng sản Thừa Thiên Huế chịu trách nhiệm thực hiện hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch/ niêm yết bổ sung trên thị trường chứng khoán theo quy định.

**PHẦN III: PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LAO ĐỘNG****I. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**

Dựa trên cơ sở đội ngũ lao động hiện có, nhu cầu lao động dự kiến của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động; đồng thời nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang loại hình Công ty cổ phần, Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động như sau:

| STT        | Nội dung                                                                                               | Tổng số    |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>I</b>   | <b>Tổng số lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa (Thời điểm 31/12/2017)</b> | <b>175</b> |
| 1          | Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ (Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc, Phó Giám đốc, kế toán trưởng)       | 05         |
| 2          | Lao động làm việc theo HĐLĐ                                                                            | 170        |
|            | - Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn                                                  | 170        |
|            | - Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng                            | 0          |
|            | - Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 3 tháng                              | 0          |
| 3          | Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Công ty                              | 0          |
| <b>II</b>  | <b>Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa</b>                 | <b>06</b>  |
| 1          | Số lao động đủ điều kiện hưu theo chế độ hiện hành                                                     | 0          |
| 2          | Số lao động sẽ chấm dứt HĐLĐ, chia ra:                                                                 | 0          |
|            | - Hết hạn HĐLĐ                                                                                         | 0          |
|            | - Tự nguyện chấm dứt HĐLĐ                                                                              | 0          |
|            | - Chấm dứt hợp đồng lao động với lý do khác theo quy định của pháp luật                                | 0          |
| 3          | Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp CPH, chia ra:        | 06         |
|            | - Số lao động dôi dư thực hiện theo NĐ số 63/2015/NĐ-CP                                                | 05         |
|            | - Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm                              | 01         |
| <b>III</b> | <b>Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần</b>                                         | <b>169</b> |
| 1          | Số lao động mà HĐLĐ còn thời hạn                                                                       | 169        |
| 2          | Số lao động nghỉ hưởng chế độ BHXH, chia ra:                                                           |            |
|            | - Ốm đau                                                                                               |            |
|            | - Thai sản                                                                                             |            |
|            | - Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp                                                                   |            |

| STT | Nội dung                                           | Tổng số |
|-----|----------------------------------------------------|---------|
| 3   | Số lao động đang tạm hoãn thực hiện HĐLĐ, chia ra: |         |
|     | - Nghĩa vụ quân sự                                 |         |
|     | - Nghĩa vụ công dân khác                           |         |
|     | - Bị tạm giam, tạm giữ                             |         |
|     | - Do 2 bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)         |         |

Ghi chú: Khoản 1 mục III không bao gồm khoản 2, 3 mục III

Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần như sau:

| Tiêu chí                                | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
|-----------------------------------------|------------------|--------------|
| <b>Tổng cộng</b>                        | <b>169</b>       | <b>100%</b>  |
| <b>Phân theo trình độ lao động</b>      |                  |              |
| - Trên đại học                          | 0                | 0,00%        |
| - Trình độ đại học                      | 35               | 20,71%       |
| - Trình độ cao đẳng, trung cấp          | 04               | 2,37%        |
| - Trình độ khác                         | 137              | 81,07%       |
| <b>Phân theo loại hợp đồng lao động</b> |                  |              |
| - Hợp đồng không xác định thời hạn      | 169              | 100%         |
| - Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm          | 0                | 0,00%        |
| - Hợp đồng thời vụ                      | 0                | 0,00%        |
| <b>Phân theo giới tính</b>              |                  |              |
| - Nữ                                    | 18               | 10,65%       |
| - Nam                                   | 151              | 89,35%       |

Danh sách lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần theo Phụ lục đính kèm.

## II. KẾ HOẠCH XỬ LÝ LAO ĐỘNG DÔI DƯ

Công ty áp dụng theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định 63/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu.

Tại thời điểm sắp xếp chuyển đổi, Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế có tổng cộng **06 người lao động** không bố trí được việc làm. Trong số

những lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần, có **01** người lao động sẽ giải quyết nghỉ hưu trước tuổi, có **04** người lao động sẽ thực hiện chấm dứt HĐLĐ và được hưởng các chính sách đối với người lao động mất việc theo quy định tại Nghị định 63/2015/NĐ-CP, và có **01** người lao động sẽ thực hiện chấm dứt HĐLĐ và được hưởng các chính sách đối với người lao động mất việc theo quy định tại Bộ Luật Lao động.

### **III. CHÍNH SÁCH TRỢ CẤP, HỖ TRỢ ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG DÔI DƯ**

Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế tạm tính mức hỗ trợ người lao động dôi dư được hưởng tính đến thời điểm 31/03/2019 là **558.350.540 đồng**, bao gồm:

**Đối tượng nghỉ hưu trước tuổi từ đủ 55 tuổi đến đủ 59 tuổi đối với nam, từ đủ 50 đến đủ 54 tuổi đối với nữ đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên hưởng chính sách theo Nghị định 63/2015/NĐ-CP (01 người): 124.783.640 đồng**

- Trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm (đủ 12 tháng, không tính tháng lẻ) nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 50 Luật Bảo hiểm xã hội (BHXH): 71.963.640 đồng.
- Hỗ trợ 01 tháng lương cơ sở do Chính phủ quy định cho mỗi năm làm việc có đóng BHXH: 52.820.000 đồng.

*(Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 63/2015/NĐ – CP).*

**Đối tượng tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21/04/1998 sau mất việc thực hiện chấm dứt HĐLĐ và được hưởng các chính sách đối với người lao động mất việc theo quy định tại Bộ Luật Lao động (04 người): 418.458.500 đồng.**

- Trợ cấp mỗi năm làm việc trả 01 tháng tiền lương nhưng ít nhất phải bằng 02 tháng tiền lương: 391.631.500 đồng.
- Hỗ trợ một khoản tiền cho mỗi năm làm việc tại công ty thực hiện sắp xếp lại: 26.827.000 đồng, theo quy định như sau:
  - + Mức 1,5 tháng lương cơ sở do Chính phủ quy định đối với người lao động có thời gian làm việc dưới 20 năm;
  - + Mức 0,5 tháng lương cơ sở do Chính phủ quy định đối với người lao động có thời gian làm việc từ đủ 20 năm đến dưới 25 năm;
  - + Mức 0,2 tháng lương cơ sở do Chính phủ quy định đối với người lao động có thời gian làm việc từ đủ 25 năm trở lên.

*(Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định 63/2015/NĐ – CP).*

**Đối tượng tuyển dụng lần cuối cùng kể từ ngày 21/04/1998 trở về sau mất việc thực hiện chấm dứt HĐLĐ và được hưởng các chính sách đối với người lao động mất việc theo quy định tại Bộ Luật Lao động (01 người): 15.108.400 đồng**

- Trợ cấp mỗi năm làm việc trả 01 tháng tiền lương nhưng ít nhất phải bằng 02

tháng tiền lương (theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Bộ Luật lao động số 10/2012/QH13).

*(Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 63/2015/NĐ – CP)*

Theo quy định tại Điều 8 Nghị định 63/2015/NĐ – CP ngày 22/07/2015 về Quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu:

*“1. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư quy định tại Điều 3 Nghị định này và người đại diện phần vốn của công ty được quy định như sau:*

*a) Đối với công ty thực hiện sắp xếp lại theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định này, nguồn kinh phí thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư từ tiền bán cổ phần lần đầu, bán doanh nghiệp; trường hợp không đủ thì được bổ sung từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp;*

*b) Đối với công ty thực hiện sắp xếp lại theo quy định tại các Khoản 2, 3 và 4 Điều 1 Nghị định này, nguồn kinh phí giải quyết chính sách đối với người lao động dôi dư từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp;*

*c) Đối với công ty thực hiện sắp xếp lại theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định này, nguồn kinh phí thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư từ các khoản thu theo quy định của pháp luật; trường hợp không đủ thì được bổ sung từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.*

*2. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư quy định tại Điều 4 Nghị định này và người đại diện phần vốn của công ty được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh của công ty thực hiện sắp xếp lại.”*

Do đó, tổng nguồn kinh phí chi trả cho người lao động dôi dư hưởng chế độ theo quy định tại Nghị định 63/2015/NĐ-CP dự kiến là **543.242.140 đồng** từ nguồn tiền bán cổ phần lần đầu (trường hợp nếu tiền bán cổ phần lần đầu không đủ thì sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp) và nguồn kinh phí thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư tuyển dụng lần cuối cùng kể từ ngày 21/04/1998 trở về sau mất việc thực hiện chấm dứt HĐLĐ và được hưởng các chính sách đối với người lao động mất việc theo quy định tại Bộ Luật Lao động là **15.108.400 đồng** được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh của Công ty.

*(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).*

---

**PHẦN IV: PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU  
CỔ PHẦN HÓA****I. PHƯƠNG ÁN VỀ TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY**

Với mô hình công ty cổ phần, Công ty sẽ hoạt động dưới sự điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, với sự giám sát của Ban Kiểm soát theo sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Việc thành lập Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và bổ nhiệm Ban Tổng Giám đốc sẽ tuân thủ theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ của công ty cổ phần.

Điều lệ, được xây dựng trên cơ sở tôn trọng các quy định của pháp luật hiện hành, là cơ sở cho hoạt động của công ty cổ phần.

Bộ máy quản lý điều hành Công ty được sắp xếp tinh gọn, đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh sau giai đoạn cổ phần hóa. Các phòng ban được tổ chức để phụ trách các mảng nghiệp vụ kinh doanh chuyên biệt trong Công ty. Cơ cấu tổ chức bộ máy sẽ nhắm đến tính linh động trong việc điều hành hoạt động kinh doanh, đồng thời đảm bảo phát huy hết các nguồn lực của Công ty.

Cơ cấu, tổ chức bộ máy Công ty sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần sẽ đảm bảo một số nguyên tắc sau:

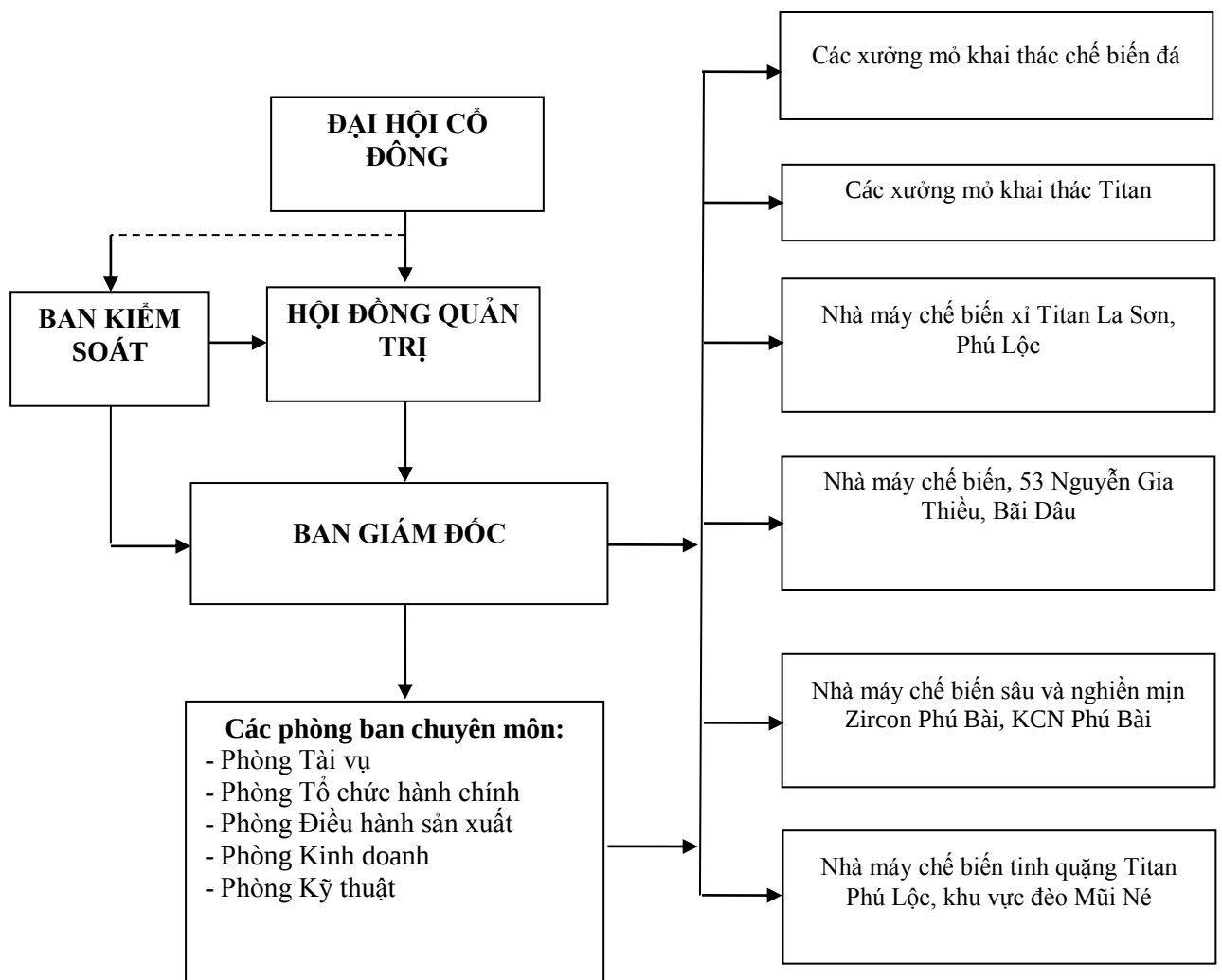
- Tận dụng tối đa nguồn lao động của Công ty tại thời điểm cổ phần hoá, trên tinh thần tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu và định hướng hoạt động trong tương lai của Công ty.
- Song song với việc sắp xếp và củng cố lao động, công tác đào tạo và việc tuyển dụng mới cũng được ban lãnh đạo Công ty rất chú trọng. Hoạt động này nhằm bố trí sắp xếp lại lao động phù hợp với chuyên môn, sở trường, tận dụng có hiệu quả một cách triệt để nguồn nhân lực của Công ty.
- Luôn có kế hoạch tuyển chọn và đào tạo đội ngũ nhân sự có năng lực chuyên môn và khả năng quản lý để tạo nguồn nhân lực kế thừa cho đội ngũ quản trị của Công ty.
- Có chính sách thu hút nguồn nhân lực hiệu quả, tạo môi trường và điều kiện làm việc thông thoáng, xây dựng văn hóa doanh nghiệp với những đặc trưng riêng, tạo sự gắn kết trong nhân viên và giữa nhân viên với Công ty.
- Xây dựng chính sách lương thưởng dựa trên năng lực và trình độ của cán bộ nhân viên, nhằm đảm bảo phân phối thu nhập một cách hợp lý, xứng đáng với sự đóng góp của mỗi cá nhân, tạo động lực để mọi thành viên trong Công ty có sự phấn đấu, nỗ lực để đạt được những thành quả lớn hơn.

Cơ cấu tổ chức của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa dự kiến như sau:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;

- Giám đốc và các Phó Giám đốc;
- 05 phòng ban nghiệp vụ: Phòng Tài vụ, Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Điều hành sản xuất, Phòng Kinh doanh, Phòng Kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ quản lý theo chức năng chuyên môn, cùng phối hợp triển khai thực hiện các chính sách chiến lược của Ban lãnh đạo đề ra, tham mưu đề xuất về hoạt động SXKD, đầu tư phát triển, công tác tổ chức để đảm bảo hiệu quả lợi nhuận của Công ty được hài hoà và cao nhất.
- Các nhà máy, xưởng mở, các bộ phận phục vụ sản xuất: Trực tiếp thực hiện công tác khai thác, chế biến; Thực hiện công tác quản lý sản xuất hiệu quả theo các quy định của Công ty và các Phòng ban; Đề xuất tham mưu cho Công ty về công tác quản lý sản xuất: lao động, sửa chữa bảo trì máy móc thiết bị, cải tiến cải tạo,...

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ



**II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH DỰ KIẾN SAU CỔ PHẦN HÓA**

Sau cổ phần hóa, Công ty cổ phần vẫn tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300100963 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 28/11/2005 và đăng ký thay đổi lần 2 vào ngày 21/06/2018, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành        |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1   | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu<br><i>Chi tiết:</i><br>- Khai thác quặng Titan (Ilmenite, Zircon, Monazite, Rutile)<br>- Khai thác các chất phụ gia cho vật liệu công nghiệp                                      | 0899<br>(chính) |
| 2   | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br><i>Chi tiết:</i><br>- Chế biến quặng Titan (Ilmenite, Zircon, Monazite, Rutile)<br>- Chế biến phụ gia cho vật liệu công nghiệp                                                    | 3290            |
| 3   | Khai thác quặng sắt                                                                                                                                                                                                       | 0710            |
| 4   | Sản xuất sắt, thép, gang<br><i>Chi tiết:</i> Chế biến sắt, sắt hợp kim                                                                                                                                                    | 2410            |
| 5   | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br><i>Chi tiết:</i><br>- Bán buôn quặng Titan (Ilmenite, Zircon, Monazite, Rutile)<br>- Bán buôn sắt thép, sắt hợp kim                                                                | 4662            |
| 6   | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                           | 0810            |
| 7   | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                     | 2392            |
| 8   | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                                                                                                                             | 2396            |
| 9   | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br><i>Chi tiết:</i> Bán buôn các loại đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                       | 4663            |
| 10  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br><i>Chi tiết:</i> Bán buôn thiết bị vật tư sản xuất công nghiệp                                                                                                         | 4659            |
| 11  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br><i>Chi tiết:</i> Bán buôn hàng tiêu dùng cho gia đình                                                                                                                               | 4649            |
| 12  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác<br><i>Chi tiết:</i><br>- Thăm dò quặng theo phương pháp thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất tại nơi thăm dò<br>- Dịch vụ phân tích và thử nghiệm (VILAS 286) | 0990            |
| 13  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br><i>Chi tiết:</i> Bán buôn các chất phụ gia cho vật liệu công nghiệp                                                                                                  | 4669            |

### III. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA

#### 1. Cơ hội và thách thức

##### ❖ Cơ hội

- Năm 2019 tiếp tục là một năm dự báo đà phục hồi của kinh tế Việt Nam, đón đầu nhiều cơ hội tích cực cho nền kinh tế từ việc tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do quan trọng, trong đó có CPTPP, EVFTA... Bên cạnh đó, nền kinh tế thế giới được dự báo có những tín hiệu phục hồi trong dài hạn. Các yếu tố trên sẽ làm gia tăng mạnh nhu cầu phát triển trong các ngành công nghiệp, đặc biệt là các ngành mà Công ty hiện đang hoạt động như: khoa học công nghệ, an ninh quốc phòng, y tế, hàng không, vũ trụ,...
- Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần sẽ mang đến cho Công ty sự năng động và tự chủ cao trong hoạch định cũng như thực hiện các chiến lược phát triển kinh doanh của mình và có điều kiện mở rộng nhiều hơn, đa dạng hơn các lĩnh vực kinh doanh so với ngành nghề truyền thống hiện nay. Ngoài ra, mô hình mới sẽ giúp Công ty linh hoạt hơn, có khả năng phản ứng nhanh nhạy hơn trong quản trị, điều hành nhằm thích ứng với sự biến động của tình hình thị trường.
- Sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ tạo nhiều cơ hội và thuận lợi cho Công ty trong việc quảng bá thương hiệu, huy động vốn tài trợ cho các hoạt động kinh doanh, phát triển các dự án của Công ty.
- Trong quá trình tồn tại và phát triển Công ty luôn luôn không ngừng tìm kiếm và xây dựng mối quan hệ thương mại với các đối tác trong và ngoài nước nhằm không ngừng mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm và tạo dựng uy tín lâu dài. Đến nay Công ty đã có được nhiều bạn hàng truyền thống ở Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật, Ấn Độ,... Việc chuyển mình từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần, cùng việc đón đầu hội nhập của Việt Nam, chắc chắn sẽ đem lại những tín hiệu tích cực trong quản trị công ty, từ đó giúp HUMEXCO không chỉ phát huy được lợi thế với những đối tác truyền thống, mà còn xây dựng được quan hệ giao thương nhiều hơn ra thị trường bên ngoài.

##### ❖ Thách thức

- Quá trình hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới thông qua các Hiệp định tự do thương mại sẽ tiếp tục mang đến nhiều cơ hội lẫn thách thức cho các doanh nghiệp trong nước. Quá trình này sẽ khiến cho các doanh nghiệp Việt Nam chịu nhiều sức ép cạnh tranh từ các nhà đầu tư dồi dào về tiềm lực tài chính và nhiều kinh nghiệm trong khai thác và xử lý khoáng sản Titan trên thế giới.

- Với sự phát triển và hội nhập nhanh chóng, Công ty cần phải liên tục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực để nâng cao khả năng cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh bất động sản.
- Sau cổ phần hoá, việc thích nghi và vận hành tốt theo mô hình mới sẽ là một trong những trở ngại doanh nghiệp có thể gặp phải. Phương thức quản trị điều hành mới đòi hỏi Công ty phải có thời gian để thích nghi.

## ***2. Định hướng phát triển của Công ty***

Trên cơ sở phân tích cơ hội và thách thức như trên, chiến lược phát triển chủ yếu của Công ty là duy trì và phát triển các lợi thế đồng thời khắc phục, hạn chế các nhược điểm còn tồn tại theo những nội dung cơ bản sau:

- **Định hướng trong 03 năm tới:**

- Đối với hoạt động khai thác và chế biến Titan:**

Trong giai đoạn ngành Titan trong nước và thế giới vẫn chưa phục hồi từ cuối năm 2013 đến nay, sản phẩm xỉ Titan (được chế biến từ Ilmenite) giá vẫn còn thấp và nhu cầu thị trường còn rất yếu thì Công ty sẽ phải tiếp tục nhờ Lãnh đạo Tỉnh tác động Chính phủ và Bộ Tài nguyên Môi trường để tháo gỡ khó khăn vướng mắc của việc xuất khẩu dòng sản phẩm Ilmenite để đảm bảo hiệu quả của hoạt động chế biến.

Đồng thời trước mắt Công ty sẽ tạm ngừng các nhà máy chế biến không hiệu quả để giảm lỗ, bảo toàn vốn nhưng vẫn đảm bảo tính sẵn sàng chế biến khi cần thiết để phục vụ cho những đơn đặt hàng nếu có lợi nhuận.

Tạm ngừng khai thác mỏ tận thu hàm lượng nghèo không còn hiệu quả tại mỏ Vinh Xuân và bắt đầu có kế hoạch sản xuất khai thác tại mỏ Quảng Công – Quảng Ngạn để duy trì hoạt động SXKD của Công ty và tạo công ăn việc làm cho công nhân của công ty.

Nếu tình hình giá bán các sản phẩm chế biến vẫn tiếp tục duy trì ở mức thấp hơn giá thành thì Công ty sẽ phải tạm thời bán quặng mỏ để có nguồn chi trả lương trên mức tối thiểu để đảm bảo đời sống cho CBCNV, duy trì sự tồn tại của Công ty qua giai đoạn khủng hoảng, khó khăn của ngành Titan trong nước và thế giới và dần dần đưa Công ty hoạt động có hiệu quả.

- Đối với hoạt động SXKD đá xây dựng tại mỏ đá Hương Bình, mỏ đá Hương Thọ, trạm nghiền đá Đa Lê:**

Những năm gần đây do tình hình kinh tế khó khăn, SXKD thu hẹp và thiếu hụt tài chính nên Công ty không còn đủ khả năng vốn để đầu tư khôi phục khai thác mỏ Hương Bình (đã ngừng sản xuất từ năm 2009) cũng như đầu tư mở rộng công suất mỏ Hương Thọ gồm: đầu tư XDCB, mở rộng khai thác, mua sắm sửa chữa máy móc thiết bị và xe công trình,..với dự kiến lên đến hàng tỷ đồng.

Mỏ đá Hương Bình ngừng hoạt động đã lâu nhưng hàng năm Công ty vẫn phải đóng các khoản tiền cấp quyền khai thác, ký quỹ môi trường, thuê đất lên đến gần 1 tỷ đồng, còn mỏ đá Hương Thọ chỉ hoạt động cầm chừng với công suất nhỏ lẻ do không mở được moong rầm, máy móc thiết bị và xe cộ lại quá cũ kỹ thường xuyên hư hỏng... nên hiệu quả kinh tế của mỏ hoàn toàn không có và thu nhập của người lao động thì thấp.

Đồng thời, trong đầu năm 2019 sắp đến, Công ty đang gặp khó khăn về tài chính để thực hiện nghĩa vụ đóng các khoản nộp cho cả hai mỏ gồm: tiền cấp quyền khai thác, ký quỹ môi trường, tiền thuê đất lên đến gần 1,5 tỷ đồng.

Vì vậy trong thời gian tới, Công ty thống nhất chủ trương:

- Tạm ngừng hoạt động sản xuất đá xây dựng của bộ phận đá gồm: Trạm xay Dạ Lê, mỏ Hương Thọ, mỏ Hương Bình;
- Tìm kiếm đơn vị các đơn vị có nhu cầu về mỏ đá mà có đầy đủ năng lực cũng như điều kiện tài chính để cùng hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc chuyển nhượng mỏ để phát huy hiệu quả mỏ đá của Công ty.

• **Chiến lược phát triển lâu dài:**

Vẫn tiếp tục duy trì bộ khung các cán bộ, công nhân lành nghề của các nhà máy chế biến Titan, nhất là ưu tiên đội ngũ chuyên gia của nhà máy xi Titan, nhằm để đảm bảo nhân lực cho các nhà máy khi có cơ hội hoạt động lại.

Căn cứ theo nhu cầu của thị trường để khôi phục lại hoạt động chế biến sâu xi Titan và chế biến các sản phẩm tinh quặng Titan nhằm phát huy hiệu quả công nghệ chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng của quặng mỏ.

Di dời hoạt động chế biến từ 53 Nguyễn Gia Thiều - Thành phố Huế về tập trung tại KCN La Sơn, KCN Phú Bài để tinh gọn bộ máy quản lý, giảm chi phí SXKD và cũng để tuân thủ quy hoạch di dời cơ sở sản xuất công nghiệp ra khỏi thành phố Huế. Trong thời gian chưa di dời, Công ty thuê đất và cơ sở hạ tầng tại 53 Nguyễn Gia Thiều để tiếp tục hoạt động.

Tập trung đào tạo, nâng cao năng lực quản lý kinh doanh, tài chính, kỹ thuật của cán bộ quản lý các cấp và xây dựng, đào tạo đội ngũ nhân viên, công nhân tay nghề và trình độ nghiệp vụ cao nhằm đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tiếp tục đổi mới công nghệ để tiết kiệm mỏ và chi phí sản xuất, củng cố và nâng cao chất lượng từng loại sản phẩm nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người tiêu dùng. Đồng thời tăng dần tỷ trọng các sản phẩm có giá trị cao và giảm dần các sản phẩm có giá trị thấp.

Cố gắng giữ lại hai mỏ đá Hương Bình và Hương Thọ trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh trong ngắn hạn 3 -5 năm, nhằm đảm bảo chiến lược đa dạng hóa sản phẩm và đảm bảo cho sự phát triển lâu dài của Công ty không chỉ phụ thuộc vào titan.

Tìm kiếm, nghiên cứu các ngành nghề mới như: Dịch vụ; Nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi, trồng rừng; Nông nghiệp sạch,...

#### **IV. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 3 NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA**

Trên cơ sở các định hướng chiến lược và kế hoạch phát triển nêu trên, dự kiến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần trong 03 năm tới như sau:

| <b>TT</b> | <b>Chỉ tiêu</b>                  | <b>ĐVT</b> | <b>Năm 2019</b> | <b>Năm 2020</b> | <b>Năm 2021</b> |
|-----------|----------------------------------|------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| 1         | Vốn điều lệ                      | Đồng       | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| 2         | Tổng số lao động                 | Người      | 180             | 200             | 210             |
| 3         | Tổng quỹ lương                   | Đồng       | 8.640.000.000   | 10.080.000.000  | 11.340.000.000  |
| 4         | Thu nhập bình quân 1 người/tháng | Đồng       | 4.000.000       | 4.200.000       | 4.500.000       |
| 5         | Tổng Doanh thu                   | Đồng       | 41.000.000.000  | 47.800.000.000  | 52.190.000.000  |
| 6         | Tổng Chi phí                     | Đồng       | 24.260.000.000  | 28.895.000.000  | 31.150.000.000  |
| 7         | Lợi nhuận trước thuế             | Đồng       | 100.000.000     | 200.000.000     | 500.000.000     |
| 8         | Lợi nhuận sau thuế (*)           | Đồng       | 100.000.000     | 200.000.000     | 500.000.000     |
| 9         | Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ         | %          | -               | -               | -               |
| 10        | Nộp ngân sách                    | Đồng       | 3.500.000.000   | 4.125.000.000   | 4.700.000.000   |

*Nguồn: HUMEXCO*

(\*): Đến thời điểm 31/12/2018, Công ty đang có lỗ lũy kế 2.486.367.693 đồng, do vậy Công ty thực hiện xử lý lỗ lũy kế và chưa chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

#### **Cơ sở xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa (2019-2020)**

+ Điều kiện sản xuất: Hoàn thành công tác thuê đất mỏ, lắp đặt và chạy thử dây chuyền thiết bị khai thác tại Quảng Công – Quảng Ngạn xong trước tháng 6/2019, với sản lượng quặng Titan tổng hợp dự kiến 1.300 – 1.500 Tấn/tháng.

+ Dự kiến bán hàng tồn kho Ilmenite khoảng 3.000 – 5.000 tấn/năm trong năm 2019, 2020.

+ Điều kiện về chính sách: Các loại thuế, phí,.. liên quan đến tài nguyên không có sự điều chỉnh tăng lên trong ngắn hạn.

+ Điều kiện về thị trường: Kế hoạch trên được xây dựng trên cơ sở dự đoán thị trường sẽ dần dần hồi phục kể từ năm 2019 kể cả về giá bán và nhu cầu tiêu thụ.

+ Điều kiện về chi phí SXKD: Các loại chi phí nguyên nhiên vật liệu tiếp tục giữ ổn định như năm 2018, nhất là đối với chi phí nhiên liệu, điện năng.

+ Điều kiện về mức lương tối thiểu vùng: Tiếp tục giữ như mức lương tối thiểu của năm 2018 và không có biến động lớn.

## **V. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Về hoạt động sản xuất và kinh doanh**

Để thực hiện được chiến lược phát triển nêu trên, Công ty tiến hành xây dựng kế hoạch thực hiện với một số nội dung như sau:

#### **➤ Năm 2019:**

Sắp xếp lại hoạt động sản xuất của toàn Công ty: Tiếp tục tạm ngừng hoạt động các nhà máy chế biến Titan; Ngừng khai thác mỏ Vinh Xuân không còn hiệu quả để hoàn trả mặt bằng; Bắt đầu tiến hành xây dựng cơ bản, lắp đặt thiết bị và dần đưa vào khai thác mỏ Quảng Công – Quảng Ngạn. Nếu thị trường tiêu thụ Titan thế giới vẫn chưa phục hồi thì Công ty sẽ tạm thời bán quặng mỏ để duy trì sự tồn tại qua giai đoạn khó khăn.

Tìm kiếm đối tác để gấp rút triển khai hợp đồng hợp tác kinh doanh mỏ đá Hương Thọ, mỏ đá Hương Bình.

#### **➤ Năm 2020:**

Nếu thị trường Titan thế giới bắt đầu phục hồi thì Công ty sẽ khôi phục lại hoạt động chế biến các nhà máy tại KCN Phú Bài, Phú Lộc, La Sơn và 53 Nguyễn Gia Thiều – Huế.

Bắt đầu lập dự án di dời hoạt động chế biến từ 53 Nguyễn Gia Thiều - Thành phố Huế về tập trung tại KCN La Sơn, KCN Phú Bài.

#### **➤ Năm 2021:**

Khi thị trường Titan thế giới đã phục hồi ổn định thì Công ty sẽ bắt đầu triển khai dự án di dời hoạt động chế biến từ 53 Nguyễn Gia Thiều - Thành phố Huế về tập trung tại KCN La Sơn, KCN Phú Bài. Đồng thời tiếp tục khôi phục các nhà máy chế biến titan để đạt công suất thiết kế.

Tiến hành cải tiến công nghệ chế biến sản phẩm titan nhằm ngày càng giảm chi phí lao động, giảm chi phí sản xuất, tăng công suất chế biến trên cơ sở thiết kế lại dây chuyền công nghệ, cải tạo hoặc thay thế thiết bị.

#### **➤ Sau năm 2021:**

Khi tình hình thị trường ngành Titan thế giới đã phục hồi tích cực thì Công ty sẽ triển khai dự án di dời khu văn phòng làm việc của Công ty về KCN Phú Bài nhằm giảm chi phí thuê đất và nhà làm việc tại 53 Nguyễn Gia Thiều.

Công ty tiếp tục điều hành hoạt động chế biến ổn định tại các nhà máy tại KCN Phú Bài, Phú Lộc, La Sơn.

## **2. Về phát triển nguồn nhân lực**

### **2.1. Chính sách tuyển dụng:**

Cán bộ công nhân viên được tuyển dụng đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty, đảm bảo hội tụ đủ yêu cầu về trình độ và năng lực công tác, phẩm chất đạo đức, làm việc theo quy trình công việc phù hợp với các chức danh cần tuyển; ưu tiên tuyển dụng chuyên gia có trình độ cao trong các lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản.

### **2.2. Chính sách đào tạo:**

Có kế hoạch đào tạo hàng năm, nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, tay nghề cho CBCNV để nâng cao trình độ chuyên môn cũng như quản lý nhất là cán bộ trẻ, có hướng quy hoạch cán bộ lâu dài, đội ngũ kế cận và có kế hoạch tiếp nhận tuyển dụng kỹ sư, cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng động sáng tạo và có tinh thần trách nhiệm nhằm đáp ứng được yêu cầu trong hoạt động quản lý và SXKD.

Chú trọng việc nâng cao trình độ người lao động, năng lực làm việc: có chế độ cử CBCNV cam kết làm việc lâu dài cho Công ty khi tham gia các khóa học, tập huấn chuyên ngành phù hợp lĩnh vực hoạt động SXKD của Công ty.

## **3. Về quản lý tài chính**

Sau cổ phần hóa, để có đủ nguồn vốn thực hiện các dự án và đảm bảo việc cạnh tranh với các doanh nghiệp có quy mô khác trong ngành, Công ty đề ra các định hướng sau:

- Tăng cường liên kết với các ngân hàng nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư vào các dự án. Ngoài ra, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện chính sách nhận góp vốn của khách hàng mua sản phẩm của Công ty để có nguồn thực hiện các dự án.
- Thực hiện tốt việc tiết kiệm trong quản lý, giảm chi phí đầu vào trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm giảm giá thành sản phẩm dịch vụ, nâng cao tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhằm nâng cao tính cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường và thu hút vốn đầu tư của các cổ đông khi có kế hoạch phát hành tăng vốn.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát tình hình quản lý tài chính kế toán, công nợ phải thu phải trả, khả năng tài trợ từ nguồn tín dụng thương mại, kiểm soát chặt chẽ nguồn phải thu nhằm đảm bảo vòng quay vốn lưu động.

## **VI. PHÂN TÍCH CÁC RỦI RO DỰ KIẾN**

### **1. Rủi ro về kinh tế**

Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho việc thực hiện mục tiêu phát triển của các doanh nghiệp nói chung và Công ty Khoáng sản Thừa Thiên Huế nói riêng.

Năm 2018, kinh tế - xã hội nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi. Hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu có xu hướng cải thiện rõ rệt cùng với niềm tin của người tiêu dùng tăng lên là các yếu tố tác động tích cực đến sản xuất trong nước. Tuy nhiên, xu hướng gia tăng của chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ sản xuất, bảo hộ mậu dịch cùng những thay đổi về địa chính trị, chính sách thương mại của một số nước lớn đang là những thách thức đối với kinh tế nước ta. Ở trong nước, bên cạnh các vấn đề tồn tại của nền kinh tế như chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh thấp, sự sụt giảm của ngành khai khoáng, cùng với thiên tai, bão, lũ liên tiếp xảy ra tác động tiêu cực tới sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và thách thức mục tiêu tăng trưởng năm 2018 của cả nước. Tuy vậy, tình hình kinh tế năm 2018 vẫn có những chuyển biến tích cực và rõ nét. Cụ thể, GDP năm 2018 tăng 7,08% cao nhất trong một thập kỷ vừa qua, trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%; khu vực dịch vụ tăng 7,03%.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt mức tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2012-2018. Trong đó, ngành nông nghiệp tiếp tục phục hồi rõ nét khi đạt mức tăng 2,89%, cao nhất giai đoạn 2012-2018..

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp năm 2018 duy trì mức tăng trưởng khá với 8,79%. Tuy nhiên, ngành công nghiệp khai khoáng vẫn tăng trưởng âm (giảm 3,11%). Ngành xây dựng duy trì được mức tăng trưởng khá với tốc độ 9,16%.

Khu vực dịch vụ năm 2018 tăng 7,03%, tuy thấp hơn mức tăng 7,44% của năm trước nhưng cao hơn so với các năm 2012-2016.

Bước sang năm 2019, nếu Chính phủ tiếp tục cam kết cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy kinh tế phát triển như năm 2018 và các cơ hội từ các Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA),... sẽ góp phần ổn định và đảm bảo tốc độ tăng trưởng như kỳ vọng.

Tuy nhiên, những khó khăn trong sản xuất kinh doanh và những yếu kém nội tại của nền kinh tế chưa được khắc phục triệt để, do đó rủi ro về kinh tế vẫn sẽ là yếu tố tác động đáng kể đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung, của Công ty Khoáng sản Thừa Thiên Huế nói riêng trong thời gian tới..

## ***2. Rủi ro về luật pháp***

Là Công ty hoạt động trong ngành khai thác và chế biến khoáng sản nên Công ty chịu ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách Nhà nước như: định hướng phát triển ngành khoáng sản, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế, về tài nguyên và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng

đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản Pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật đặc biệt là trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn tiềm ẩn và khi xảy ra, bất cứ sự thay đổi nào sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước tiến hành thuận lợi hơn.

Xét ở khía cạnh doanh nghiệp, với HUMEXCO, là doanh nghiệp nhà nước chuyển sang loại hình công ty cổ phần, Công ty sẽ gặp một số trở ngại nhất định từ việc chuyển đổi này. Tuy nhiên, do đã có quá trình hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên, cũng cùng chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp như Công ty cổ phần nên Công ty sẽ có thuận lợi hơn trong thích ứng với sự chuyển đổi loại hình công ty này.

Bên cạnh đó, khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, HUMEXCO sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

### **3. Rủi ro đặc thù**

Ngành, nghề hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng nhiều bởi các điều kiện tự nhiên. Mặc dù Công ty đã có những nghiên cứu, khảo sát đánh giá về địa chất, chất lượng khoáng sản thô nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình khai thác và chế biến sâu nhưng cũng không thể tránh khỏi những biến động bất thường về địa chất, chất lượng khoáng sản đầu vào... Từ đó, làm gia tăng chi phí và giảm biên lợi nhuận của Công ty.

Ngành công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản nói chung và Titan nói riêng còn phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố môi trường, vấn đề bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, xử lý chất thải sau khai thác,... là một trong những thách thức không nhỏ đối với Công ty. Sức ép về sự gia tăng của các khoản phí như phí tài nguyên môi trường, phí xử lý chất thải, tiền thuê đất, phí khai thác tận thu khoáng sản... ngày càng cao cũng ảnh hưởng rất lớn đến việc cân đối thu chi và đảm bảo kết quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro từ các chính sách của Nhà nước về thời hạn cấp phép khai thác mỏ là một rủi

ro hiện hữu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ví dụ Rủi ro về việc bị rút hoặc không gia hạn giấy phép khai thác mỏ do lo ngại về các yếu tố môi trường hoặc nguy hại về khả năng bào mòn tài nguyên thiên nhiên của Nhà nước cũng là một nhân tố cần tính đến trong quá trình hoạt động khai thác và chế biến của Công ty.

#### ***4. Rủi ro của đợt chào bán***

Đợt chào bán cổ phần lần đầu được coi là không thành công trong trường hợp số lượng cổ phần thực tế bán được thấp hơn số lượng cổ phần dự kiến chào bán trong thời hạn quy định.

Với thực trạng hiện nay, thị trường chứng khoán Việt Nam có dấu hiệu khởi sắc song chưa hồi phục hoàn toàn. Nguồn cung cổ phiếu với giá rẻ trên thị trường có khá nhiều. Do đó, việc bán đấu giá cổ phần lần đầu của Công ty có thể sẽ gặp một số ảnh hưởng từ tình hình chung của thị trường chứng khoán Việt Nam.

#### ***5. Rủi ro khác***

Ngoài ra, hoạt động của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi một số rủi ro bất khả kháng như: rủi ro thiên tai, hỏa hoạn, nguồn nước, chiến tranh, rủi ro biến động chính trị, xã hội....

### **VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế là phù hợp với chủ trương của Nhà nước và cần thiết để huy động vốn, mở rộng quy mô hoạt động của doanh nghiệp cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Kính đề nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế xem xét và phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế để Công ty triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo đúng theo quy định của Nhà nước.

**PHẦN V:****TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT**

Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty được phê duyệt và có quyết định của UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế về việc chuyển Công ty TNHH TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế thành Công ty cổ phần, Công ty dự kiến triển khai thực hiện phương án theo lịch trình dự kiến như sau:

| TT | Nội dung công việc                                                                                                                                   | Thời gian                                                                                                                                                          |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Phê duyệt phương án cổ phần hóa                                                                                                                      | Tháng 3 - tháng 4/2019                                                                                                                                             |
| 2  | Tổ chức bán đấu giá cổ phần cho nhà đầu tư bên ngoài, bán cổ phần cho CB CNV                                                                         | Tháng 4 - tháng 5/2019                                                                                                                                             |
| 3  | Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo cổ phần hóa, xử lý số lượng cổ phần không bán hết (nếu có)                                               | Tháng 05 - tháng 06/2019                                                                                                                                           |
| 4  | UBND tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định điều chỉnh mức vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ (nếu có), cử người đại diện phần vốn Nhà nước                     | Tháng 6/2019                                                                                                                                                       |
| 5  | Tổ chức Đại hội cổ đông thành lập thông qua Điều lệ, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ban Giám đốc Công ty cổ phần | Tháng 7 – tháng 8/2019                                                                                                                                             |
| 6  | Làm thủ tục đăng ký kinh doanh và xin cấp dấu mới cho Công ty cổ phần                                                                                | Tháng 8/2019                                                                                                                                                       |
| 7  | Tổ chức ra mắt Công ty cổ phần, đăng báo theo quy định để Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động                                                | Tháng 8/2019                                                                                                                                                       |
| 8  | Thực hiện quyết toán phần vốn Nhà nước tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh                                                     | Trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp GCNĐKDN, Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định 126/2017/NĐ-CP để quyết toán và bàn giao cho công ty cổ phần |
| 9  | Bàn giao danh sách lao động, tài sản, vốn, sổ sách, tài liệu cho Hội đồng quản trị công ty cổ phần                                                   |                                                                                                                                                                    |

Thừa Thiên Huế, ngày 18 tháng 03 năm 2019

**CÔNG TY TNHH NN MỘT THÀNH VIÊN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

**CHỦ TỊCH CÔNG TY**



**LƯƠNG VĨNH THÁI**